

**HƯỚNG DẪN QUẢN TRỊ VÀ SỬ DỤNG
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
KIPOS.ADMINISTRATOR**



Version 8.x

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI

www.hiendai.com.vn

contact@hiendai.com.vn

Năm 2020

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU	1
2. KIPOS ADMINISTRATOR - HỆ QUẢN TRỊ NỘI DUNG	1
2.1 Khởi đầu với KIPOS Administrator	1
3. CÁC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG	3
3.1 Quản lý người dùng	3
3.2 Quản lý vai trò người dùng	7
3.3 Phân Quyền người dùng	9
3.3.1 Quản lý Đối tượng an ninh	9
3.3.2 Đăng ký các Đối tượng an ninh	10
3.3.2.1 Các đối tượng của KIPOSClient	11
3.3.2.2 Các đối tượng của KIPOSADMIN	12
3.3.2.3 Các đối tượng của LegoWeb	12
3.3.2.4 Các đối tượng của WebFolder	13
3.3.3.5 Các đối tượng của WebContentCategory – Chuyên mục web	14
3.3.3.6 Các đối tượng của BibCollection – Bộ sưu tập thư mục	14
3.3.3 Thiết lập quyền cho đối tượng	16
3.3.3.1 Nguyên tắc thiết lập quyền cho đối tượng	18
3.4 Quản lý tệp tin	21
3.5 Thiết lập tham số hệ thống	23
3.6 Xuất khẩu siêu dữ liệu	25
3.7 Nhập khẩu siêu dữ liệu	26
3.8 Quản lý trình đơn	26
3.9 Quản trị nội dung	32
3.9.1 Phân vùng nội dung	32
3.9.2 Chuyên mục nội dung	33
3.9.3 Quản lý dữ liệu nội dung	37
3.9.4 Thiết lập khuôn mẫu nội dung – Template	38
3.9.5 Trình biên tập siêu dữ liệu nội dung Meta Content Editor	42
3.9.5.1 Làm việc với trường điều khiển	42
3.9.5.2 Làm việc với trường nội dung:	44
3.9.5.3 Các lệnh trên thanh công cụ:	47

4. CÁC KHUÔN MẪU DỮ LIỆU CƠ BẢN	47
4.1 Giới thiệu	47
4.2 Lgwd_data_article Mẫu dữ liệu bài viết	48
4.3 Lgwd_data_doc Mẫu dữ liệu thư viện tài liệu	48
4.4 Lgwd_data_flash Mẫu dữ liệu flash	49
4.5 Lgwd_data_media Mẫu dữ liệu đa phương tiện	49
4.6 Lgwd_data_images Mẫu dữ liệu bộ sưu tập ảnh	50
4.7 Lgwd_data_poll Mẫu dữ liệu điều tra	50

1. Giới thiệu

LegoWeb là hệ quản trị nội dung trang web/cổng thông tin do Công ty Hiện Đại phát triển dựa trên sự kết hợp của công nghệ ASP.NET 2.0 Webparts và tiêu chuẩn siêu dữ liệu MARCXML mở rộng. LegoWeb là một giải pháp đơn giản và mạnh mẽ cho phép nhanh chóng thiết kế, tùy biến, quản trị các website thông thường, và là nền tảng để phát triển các ứng dụng web theo đặt hàng. KIPoS.WebPortal được xây dựng dựa trên hệ quản trị website LegoWeb, tùy biến và bổ sung tích hợp các chức năng của KIPoS.

Phiên bản cộng đồng (community edition) của LegoWeb bao gồm các chức năng cơ bản của một hệ quản trị nội dung website (Web CMS), được cung cấp miễn phí mã nguồn tại <http://legoweb.codeplex.com>. Trang web hỗ trợ, bảo trì và phát triển hệ thống này tại <http://www.legoweb.org>.

LegoWeb được thiết kế đặc biệt và những lợi thế của hệ thống này là:

- Thống nhất các bộ sưu tập dữ liệu khác nhau theo định dạng MARCXML: các bài viết, bộ sưu tập ảnh, thư viện văn bản, danh mục sản phẩm, liên hệ, câu hỏi điều tra...
- Sử dụng duy nhất bộ biên tập nội dung siêu dữ liệu để cập nhật hầu hết các bộ sưu tập dữ liệu nên rất dễ sử dụng.
- Dễ dàng di chuyển dữ liệu: các dữ liệu nội dung đều được định dạng theo chuẩn MARCXML cho phép dễ dàng trao đổi, sao lưu phục hồi, chiết xuất dữ liệu...
- Rất linh hoạt: dễ dàng định nghĩa một bộ sưu tập dữ liệu mới, thay đổi cấu trúc xslt, thiết kế lại website nhanh gọn.

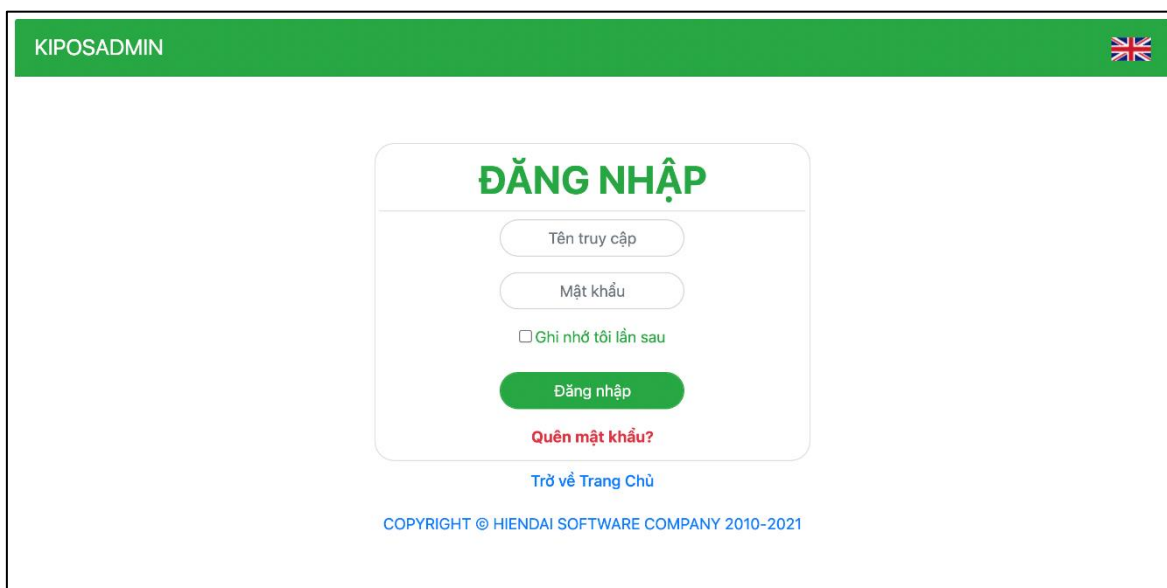
2. KIPoS Administrator - Hệ Quản trị Nội Dung

2.1 Khởi đầu với KIPoS Administrator

Để truy cập được vào hệ thống KIPoS Admin với toàn quyền quản trị, trước tiên bạn phải đăng nhập với tài khoản thuộc nhóm quyền ADMINISTRATORS. Truy cập vào đường dẫn [http://\[yourwebsitedomain\]/administrator](http://[yourwebsitedomain]/administrator) với *yourwebsitedomain* là tên miền của bạn ví dụ: hiendai.com.vn, legoweb.org... Tài khoản mặc định của hệ thống là:

- Tên đăng nhập (User name): tên + họ đệm viết tắt.
VD: Trần Tiến Khang => khangtt
- Mật khẩu (Password): mật khẩu mặc định 123456

Chú ý: bạn có thể chọn ngôn ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Việt) cho thuận tiện cho việc sử dụng của bạn vì KIPOS Admin có hỗ trợ 02 ngôn ngữ. Dưới đây là giao diện đăng nhập hệ thống (tiếng Việt):



(Hình 1: Giao diện đăng nhập hệ thống)

Nếu đăng nhập thành công hệ thống sẽ chuyển đến bảng điều khiển của hệ quản trị, tại đây bạn có thể lựa chọn các tác vụ của mình thông qua trình đơn.



Chú ý:

- Nếu đăng nhập không thành công do quên mật khẩu, bạn có thể sử dụng chức năng Quên mật khẩu để nhận lại mật khẩu thông qua Email dùng để tạo tài khoản.
- Đăng nhập sai 03 lần tài khoản của bạn sẽ bị khoá.

Các chức năng cơ bản của KIPOS Admin bao gồm:

➤ **Hệ thống:** Bao gồm các chức năng: quản trị người dùng, vai trò, tệp tin, phân quyền, xuất/nhập khẩu dữ liệu, thiết lập các tham số hệ thống... Chỉ những người dùng thuộc nhóm quyền ADMINISTRATORS mới thực hiện được các chức năng

này.

➤ **Trình đơn:** Bao gồm các chức năng, định nghĩa và quản lý các trình đơn. Chỉ những người dùng thuộc nhóm quyền ADMINISTRATORS mới thực hiện được các chức năng này.

➤ **Quản lý Nội dung:** Quản lý nội dung trang Web (tin tức, sản phẩm, giới thiệu, thông báo...), quản lý thùng rác (các nội dung đã bị xóa).

Quản lý website => Quản lý nội dung. Để truy cập vào Quản lý nội dung người dùng tối thiểu cần có quyền WEBEDITORS. Để truy cập vào Vùng nội dung và Chuyên mục nội dung cần có quyền ADMINISTRATORS.

➤ **Mô đun (module):** chứa phần quản trị các mô đun đặc biệt của trang Web như: Bản đọc, Thư mục, Đầu mục, Tài liệu số, Kiểm định chất lượng, Báo cáo.

3. Các chức năng Hệ thống

3.1 Quản lý người dùng

Chức năng quản lý người dùng cho phép quản lý toàn bộ tài khoản đăng nhập hệ thống KIPOSAdmin và KIPOSWeb. Để truy cập vào quản lý người dùng bạn vào: **Hệ thống => Người dùng**

Quản lý người dùng

Thêm

Xóa

Trợ giúp

Chọn Tất cả

#		Tên truy cập	Email	Ghi chú	Duyệt	Kích hoạt	Ngày tạo	Hết cuối	Online	Quyền	Lệnh
1	☐	.1007020072	bonghongphale_thuong@yahoo.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
2	☐	01001000103	huyennt@hanu.edu.vn		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
3	☐	01001900279	levanbat1951@yahoo.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
4	☐	01002700304	laintb@hufs.edu.vn		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
5	☐	01002700305	thudt@hufs.edu.vn		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
6	☐	01002700384	Donglv@hufs.edu.vn		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
7	☐	01002700385	hoangtb@hufs.edu.vn		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
8	☐	0107443445	hiendaisoftware@gmail.com		✓	✓	02/07/2016	02/07/2016			Chọn ▾
9	☐	0137010002	lehang.sfl@tnu.edu.vn		✓	✓	04/12/2019	04/12/2019			Chọn ▾

(Hình 2: Quản lý người dùng)

➤ **Thêm mới:**

Bước 1: Để thêm 01 tài khoản người dùng mới, trên giao diện quản trị người dùng nhấn nút **Thêm**.

Chi tiết [X]

Tên truy cập:(*)

Email:(*)

Câu hỏi mật khẩu:

Trả lời:

Vai trò:

Đã gán

<=>

ADMINISTRATORS

BDK

BIENMUC

CBGV

CSQN

Kích hoạt: ☒

Bị khóa: ☐

Mật khẩu:(*)

Khẳng định mật khẩu:(*)

Chấp nhận **Bỏ qua**

(Hình 3: Thêm người dùng mới)

Khi thêm mới người dùng, bạn phải khai báo các thông tin của người dùng đó bao gồm:

- **Tên đăng nhập:** là tên người sử dụng để đăng nhập vào hệ thống, không được trùng với tài khoản khác. (Xem lại mục 2.1)
- **Email:** địa chỉ hòm thư điện tử của người sử dụng, KIPOSAdmin bắt buộc Email mỗi người sử dụng là duy nhất không được trùng với người dùng khác. Hệ thống sẽ gửi lại mật khẩu tới Email này nếu người dùng quên.
- **Câu hỏi mật khẩu, trả lời:** là câu hỏi & câu trả lời của người sử dụng đó để hỗ trợ cho việc lấy lại mật khẩu trong trường hợp người dùng quên mật khẩu.
- **Vai trò:** người sử dụng được gán với vai trò cụ thể với đặc quyền cụ thể (ví dụ với quyền ADMINISTRATORS người dùng có toàn quyền sử dụng hệ thống quản trị nội dung, với mỗi vai trò thì người dùng có đặc quyền riêng). Bạn có thể thêm mới hoặc sửa các vai trò trong chức năng **Quản lý vai trò người dùng** ở phần sau.
- **Kích hoạt:** tài khoản sẽ được kích hoạt ngay khi ta tạo nếu đánh dấu vào mục này (Mặc định là kích hoạt).
- **Mật khẩu:** là mật khẩu của người dùng đó thông thường cấu hình yêu cầu mật khẩu có độ dài tối thiểu là 6, bao gồm các chữ và/hoặc số kể cả ký tự đặc biệt.
- **Khẳng định mật khẩu:** nhập lại mật khẩu đã được điền ở ô mật khẩu.

Sau khi đã khai báo đầy đủ thông tin của người dùng mới, bạn chọn **Chấp nhận** để thêm mới hoặc nhấp vào nút **Bỏ qua** để hủy bỏ.

➤ **Cập nhật:**

Sửa tài khoản cho phép ta cập nhật thông tin về người dùng, thay đổi các vai trò, Email, duyệt/kích hoạt...

Chú ý: Khi một tài khoản cố gắng đăng nhập quá 03 lần mà không thành công liên tiếp, hệ thống tự động khóa tài khoản này lại. Lúc đó người dùng cũng không thể lấy lại mật khẩu qua Email, yêu cầu bắt buộc phải sử dụng giao diện cập nhật người dùng để kích hoạt tài khoản.

Để sửa thông tin của 01 tài khoản, bạn nhấp vào tên truy cập hoặc chọn vào nút **Chọn** ở cuối mỗi tên truy cập, sau đó chọn **Sửa** để truy cập vào cửa sổ cập nhật.

Hệ thống ▾ Quản lý website ▾ Bản đọc ▾ Thư mục ▾ Đầu mục ▾ Tài liệu số ▾ Kiểm định chất lượng ▾ Thư viện ▾ Trợ giúp ▾											
Quản lý người dùng											
#		Tên truy cập	Email	Ghi chú	Duyệt	Kích hoạt	Ngày tạo	Hết cuối	Online	Quyền	Lệnh
7	☐	01002700385	hoangtb@hufs.edu.vn		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
8	☐	0107443445	hiendaisoftware@gmail.com		✓	✓	02/07/2016	02/07/2016			Sửa
9	☐	0137010002	lehang.sfl@tnu.edu.vn		✓	✓	04/12/2019	04/12/2019			Xóa
10	☐	0137010003	habdn@hanu.edu.vn		✓	✓	29/08/2019	29/08/2019			Chọn ▾
11	☐	0155	minhhien2810@yahoo.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
12	☐	0170BU0001	nguyenphuonganh.55@gmail.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
13	☐	0170BU0002	quynhanh.loveboo@gmail.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
14	☐	0170BU0003	lananhnguyenhanu1612@gmail.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾
15	☐	0170BU0004	wendie.duyen@gmail.com		✓	✓	25/11/2017	25/11/2017			Chọn ▾

(Hình 4: Chọn Sửa, xóa tài khoản)

Giao diện cập nhật người dùng như sau:

Chi tiết

Tên truy cập:(*) admin

Email:(*) contact@hiendai.com.vn

Câu hỏi mật khẩu: 1

Trả lời: contact

Vai trò:

Đã gán	Còn lại
ADMINISTRATORS	BDK
USERS	BIENMUC
WEBMASTERS	CBGV
	CSQN
	CSV'T

Kích hoạt: ☒

Bị khóa: ☐

Chấp nhận Bỏ qua

(Hình 5: Cập nhật người dùng)

Người quản trị có thể cập nhật các thông tin về Email, Vai trò, Kích hoạt (các thông tin như tên truy cập hay câu hỏi mật khẩu là không thể thay đổi). Người quản trị còn có thể không cho phép tài khoản hoạt động khi tick vào ô **Bị khóa**. Sau khi hoàn tất thông tin người dùng, click vào **Lưu** để cập nhật thông tin và **Bỏ qua** để hủy cập nhật.

➤ Xóa tài khoản

Nhấp vào ô chọn tài khoản cần xóa sau đó click vào nút **Xóa** để tiến hành xóa tài khoản hoặc chọn vào nút **Chọn** ở cuối mỗi tên truy cập, sau đó chọn **Xóa** (Xem hình 4). Khi thực hiện chức năng xóa, một cửa sổ xuất hiện yêu cầu người quản trị xác thực muốn xóa tài khoản đó. Để **Xóa** tài khoản click **OK**, để hủy thao tác xóa click **Cancel**.

demobt.kipos.vn cho biết

Are you sure to remove this user ?

OK Hủy

(Hình 6: Minh họa Xóa người dùng)

➤ Tìm kiếm tài khoản

Người quản trị có thể tiến hành tìm kiếm tài khoản người dùng dựa vào **Tên truy cập, Email, Vai trò**. Giả sử tôi muốn tìm kiếm một tài khoản có tên là *huongnt* tôi tiến hành tìm kiếm theo tên truy cập như sau: chọn tìm kiếm theo **Tên truy cập** và nhập vào ô Giá trị là *huongnt%* để tìm kiếm các tài khoản bắt đầu bằng cụm từ *huongnt*, sau đó nhấp chọn Tìm kiếm.

Quản lý người dùng

Thêm Xóa Trợ giúp

Tên truy cập huongnt% Tìm kiếm Bỏ lọc

#	Tên truy cập	Email	Ghi chú	Duyệt	Kích hoạt	Ngày tạo	Hết cuối	Online	Quyền	Lệnh
1	☐ huongnt	huongnt2521981@gmail.com		✓	✓	26/11/2017	04/11/2020	✓		Chọn
2	☐ huongntm	mai.huong@hanu.edu.vn		✓	✓	17/12/2017	17/12/2017			Chọn

Trình bày: 100

(Hình 7: Minh họa tìm kiếm người dùng)

3.2 Quản lý vai trò người dùng

Quyền truy cập vào các chức năng thường được kiểm soát qua nhóm người sử dụng giống như các hệ thống phần mềm khác. Mỗi người dùng sẽ nằm trong một hoặc nhiều nhóm khác nhau và căn cứ vào đó hệ thống quyết định việc người dùng đó được thực hiện các nhiệm vụ nào.

➤ Các nhóm quyền cơ bản:

Các nhóm quyền cơ bản của hệ thống là các nhóm quyền được định nghĩa và một số chức năng đã được kiểm soát theo các nhóm này từ khi thiết kế phần mềm.

- **ADMINISTRATORS:** Nhóm quản trị tối cao, người thuộc nhóm này có toàn quyền truy cập tới các chức năng của KIPOSAdmin bao gồm cả chức năng quản lý người dùng, thiết lập trình đơn, vùng thông tin, chuyên mục...
- **WEBEDITORS:** nhóm quyền cho phép biên tập nội dung web (đăng bài, sửa bài, xóa...). Ngoài nhóm ADMINISTRATORS, chỉ những người dùng thuộc nhóm này mới truy cập được vào Hệ quản trị KIPOSAdmin.
- **WEBMASTERS:** nhóm quyền cho phép thiết kế lại trang web, cấu hình lại các webpart.

Để truy cập vào quản lý vai trò người sử dụng bạn truy cập: **Hệ thống => Vai trò**

Quản lý vai trò người dùng			+	?
			Thêm	Trợ giúp
Stt	Vai trò	Lệnh		
1	ACS	Xóa		
2	ADMINISTRATORS	Xóa		
3	AnPhamDinhKy	Xóa		
4	BDK	Xóa		
5	BienMuc	Xóa		
6	BienTapSo	Xóa		
7	CB	Xóa		
8	CBGV	Xóa		
9	GV	Xóa		
10	HV	Xóa		

(Hình 8: Quản lý vai trò người dùng)

➤ Thêm mới vai trò:

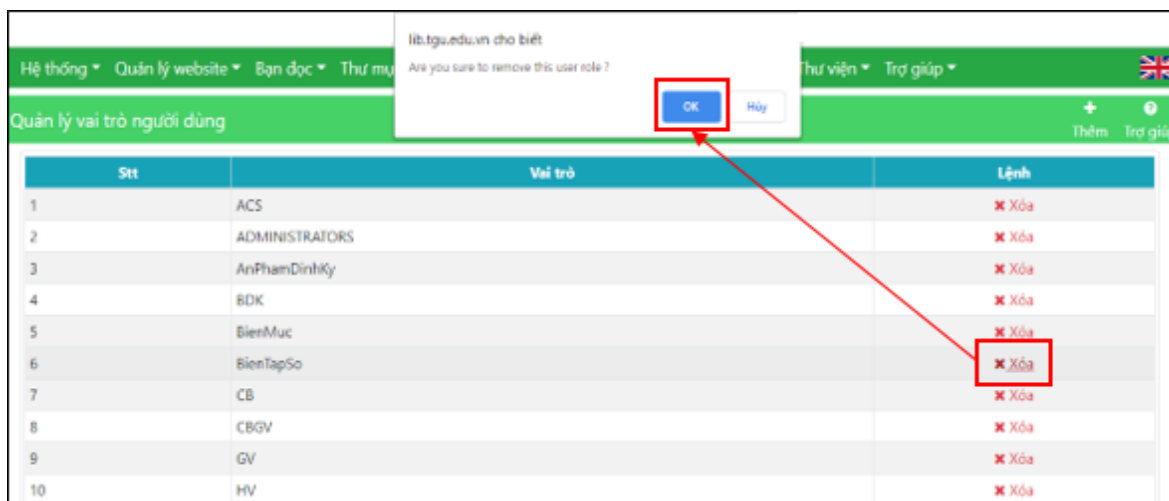
Để thêm một vai trò mới ta thực hiện như sau: click **Thêm**, người dùng nhập tên của vai trò sau đó nhấn **Chấp nhận**. Ví dụ tôi muốn thêm một nhóm mới là **KiemThuChucNang** tôi thực hiện như hình sau:

(Hình 9: Minh họa thêm một Vai trò)

➤ Xóa vai trò:

Để xóa một vai trò ta thực hiện như sau: kích chọn vào lệnh **Xóa** (nếu muốn xóa sẽ hiện lên cửa sổ xác nhận xóa, sau đó click **OK** trên cửa sổ này).

Ví dụ: Tôi muốn xóa vai trò **BienTapSo** tôi thực hiện như hình sau:



(Hình 10: Minh họa xóa một Vai trò)

Chú ý:

- Không thể xóa một vai trò người dùng nếu đã được gán cho tài khoản của người dùng.
- Các vai trò sử dụng hệ thống sẽ tự động tạo lại nếu bị xóa.

3.3 Phân Quyền người dùng

Quản lý tài khoản đăng nhập (authentication) là bước xác thực bắt buộc và đảm bảo tính bảo mật của mỗi hệ thống. Tuy nhiên, như vậy chưa đủ, hệ thống cần phải đảm bảo khả năng thiết lập các giới hạn thực hiện chức năng và phạm vi dữ liệu cho mỗi người/nhóm người dùng theo vai trò trách nhiệm của họ. Đó là vấn đề phân quyền – authorization.

KIPOS đem đến một nền tảng quản trị gọn và linh hoạt, cho phép thư viện có thể thiết lập phân quyền theo người dùng và nhóm người dùng tới từng chức năng/dữ liệu cần thiết của hệ thống.

3.3.1 Quản lý Đối tượng an ninh

Tính chất đa dạng của các chức năng và phạm vi dữ liệu đã được KIPOS thống nhất và đưa ra khái niệm *Đối tượng an ninh*.

Đối tượng an ninh: Là các đối tượng cần được kiểm soát quyền của người sử dụng khi thực hiện các chức năng. Thông thường các đối tượng an ninh được phân thành 02 loại chính:

- Các biểu mẫu (form/report), chức năng chương trình được đăng ký cố định khi cài đặt hệ thống.
- Các sưu tập dữ liệu: nhóm dữ liệu, thư mục tệp tin được thiết lập trong quá

Thêm/sửa Đối tượng an ninh

Đối tượng bảo vệ

Mã hệ thống:

38

Ứng dụng:

KIPOSClient

Module:

Cataloguing

Mã đối tượng:

10101

Tên đối tượng:

frmMarcEditor

Mô tả:

Trình biên tập MARC

Ảnh:

Duyệt

Xóa

(Hình 12: Thêm mới/Cập nhật đối tượng an ninh)

- **Mã hệ thống:** Mã đối tượng do hệ thống tự sinh và là duy nhất
- **Ứng dụng:** Thể hiện phạm vi chương trình/sưu tập dữ liệu mà đối tượng đó thuộc về. Ví dụ: KIPOSClient – Chương trình máy trạm nghiệp vụ; WebFolder: Các thư mục web bao gồm thư mục tệp tin nội dung web và khuôn mẫu, các thư mục kho tư liệu số. Chi tiết xem phần dưới về các đối tượng thuộc các ứng dụng.
- **Module:** Tên các module của giải pháp được phân hoạch theo phương diện quy trình tác nghiệp. Như vậy, một module có thể có các chức năng nằm ở hơn một ứng dụng (chương trình) khác nhau.
- **Mã đối tượng:** Mã của đối tượng an ninh được dùng khi chương trình thực hiện việc kiểm tra quyền của người dùng khi sử dụng đối tượng. Các đối tượng trong một phạm vi Ứng dụng, mã cục bộ không trùng nhau. Mã có thể là một nhãn số (tag) cũng có thể là một địa chỉ/đường dẫn.
- **Tên đối tượng:** Tên đối tượng an ninh
- **Mô tả:** Các đặc tả về đối tượng để quá trình quản lý được tiện lợi hơn.
- **Ảnh:** Ảnh đối tượng, chọn duyệt để gắn ảnh hoặc chọn xóa để xóa ảnh

3.3.2.1 Các đối tượng của KIPOSClient

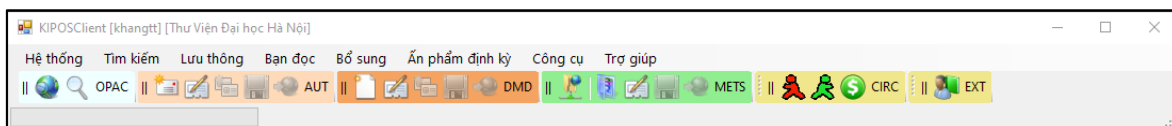
Các đối tượng thuộc về Ứng dụng KIPOSClient là các biểu mẫu (form/report), chức năng cần kiểm soát quyền thực thi. Như vậy, không phải tất cả các biểu mẫu

đều cần phân quyền, chỉ các biểu mẫu và chức năng được cho là cần thiết để xác lập giới hạn của các người dùng/nhóm người dùng khác nhau.

Khi cài đặt hệ thống, các biểu mẫu là đối tượng an ninh sẽ được đăng ký bằng kịch bản CSDL. Việc cập nhật các đối tượng này chỉ cần thiết nếu người dùng muốn đưa vào các đặc tả rõ hơn cho đối tượng. Mã cục bộ được xác định và nếu bị thay đổi đối tượng này sẽ không có tác dụng. Mã cục bộ của ứng dụng KIPOSCClient thường được đánh theo quy luật

- Các form cập nhật dữ liệu: 10xxxx
- Các báo cáo: 11xxxx

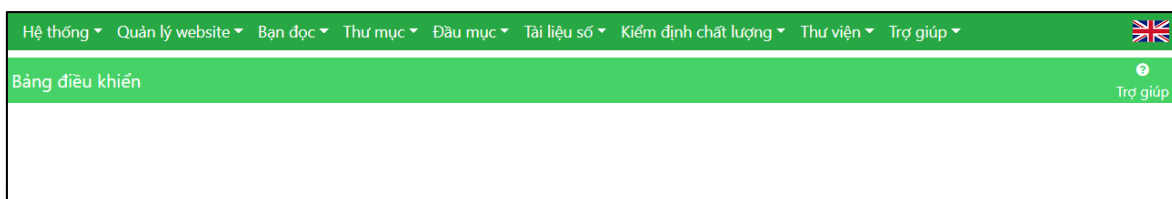
Chú ý: Để thực hiện các chức năng cập nhật dữ liệu trong KIPOSCClient, người dùng bắt buộc phải thuộc nhóm hệ thống USERS (Chỉ có các người dùng thuộc nhóm này mới thi hành được các dịch vụ web cập nhật dữ liệu).



(Hình 13: Giao diện KIPOS Client)

3.3.2.2 Các đối tượng của KIPOSADMIN

Các đối tượng an ninh của KIPOSADMIN là các giao diện/chức năng dành cho người quản trị thiết lập các chính sách, phân quyền, bảo mật, diễn đàn... cho thư viện. Các đối tượng này cũng được đăng ký sẵn trong quá trình cài đặt hệ thống như với KIPOS Client.



(Hình 2.6: Giao diện KIPOSADMIN)

Mã cục bộ của các đối tượng an ninh trong KIPOSADMIN được quy định theo quy luật:

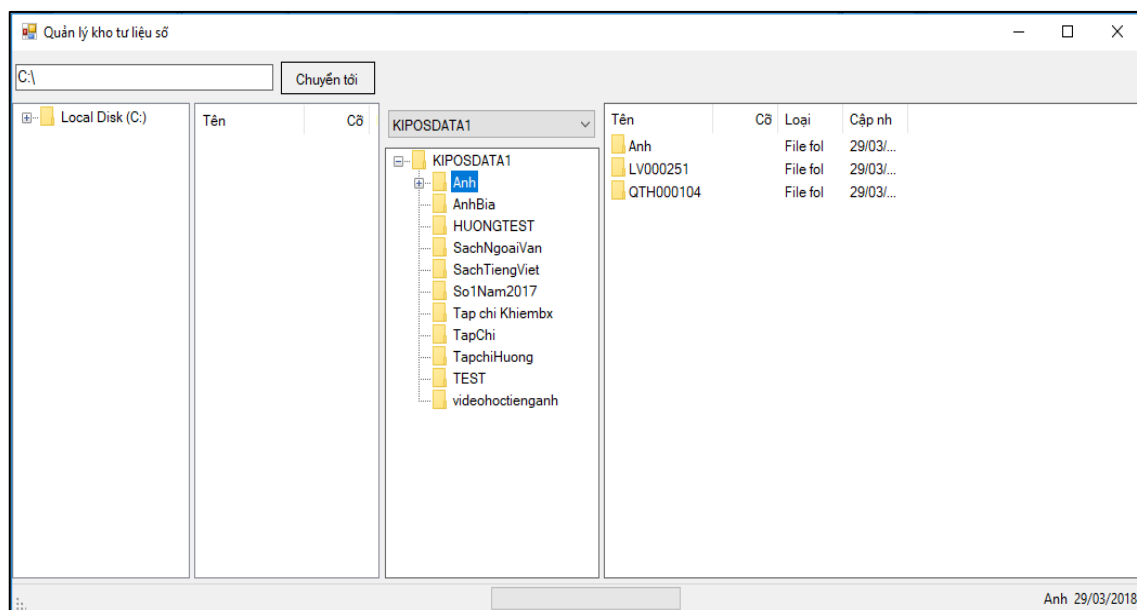
- Module WebPortal: 20xxx
- Các Module khác: 22xxx

3.3.2.3 Các đối tượng của LegoWeb

Ở phiên bản hiện tại, chưa có đối tượng an ninh nào được thiết lập cho giao diện cổng thông tin điện tử.

3.3.2.4 Các đối tượng của WebFolder

Tất cả các thư mục tệp tin nội dung web, khuôn mẫu, tệp nội dung tài liệu trong kho tư liệu số nằm trong các thư mục vật lý ở máy chủ đều được đăng ký và có địa chỉ ảo nhất định. Đây được gọi là các webfolder – thư mục web. KIPOS cho phép thiết lập phân quyền tới các thư mục trong các kho tư liệu số. Hiện nay việc phân quyền này được áp dụng trong Digital Repository – Quản lý kho tư liệu số trong KIPOSClient.



(Hình 14: Quản lý kho tư liệu số)

Khi thư viện muốn thiết lập phân quyền cho một thư mục, một đối tượng an ninh thuộc về WebFolder được tạo ra.

Mã đối tượng: Là địa chỉ ảo-virtua directory

Ví dụ: <http://hanu.kipos.vn/KIPSDATA1/Anh>

Tên đối tượng: Được chương trình tự động tạo ra, nó là chuỗi rút gọn của địa chỉ ảo.

Ví dụ: KIPSDATA1/Anh

Thư mục	Lệnh
...	Chọn
000118570	Chọn
Bài trích	Chọn
Baivietkhoahoc	Chọn
Bookcover	Chọn
Chuongtrinhdaotao	Chọn

(Hình 15: Giao diện chọn WebFolder)

Chú ý: Việc phân quyền cho các đối tượng an ninh là thư mục web – WebFolder có tính chất kế thừa phả hệ. Có nghĩa là nếu phân quyền cho một thư mục cha thì các thư mục con sẽ được áp dụng trừ khi có các thiết lập khác cho thư mục con.

3.3.3.5 Các đối tượng của WebContentCategory – Chuyên mục web

KIPOS cho phép phân quyền quản lý nội dung website theo chuyên mục. Để phân quyền cho một chuyên mục chúng ta đăng ký đối tượng an ninh cho chuyên mục đó.

Mã	Tiêu đề(vi)	Lệnh
1	Tin tức - Thông Báo	Chọn
100	Thông tin phản hồi	Chọn
1000	Giới thiệu	Chọn
1000/1100	Nghiệp vụ thư viện	Chọn
2000	Cơ sở dữ liệu	Chọn
3000	Tin tức - Sự kiện	Chọn

(Hình 16: Giao diện chọn WebContentCategory)

Chú ý: Việc phân quyền cho các đối tượng an ninh là chuyên mục web – WebContentCategory có tính chất kế thừa phả hệ. Có nghĩa là nếu phân quyền cho một chuyên mục cha thì các chuyên mục con sẽ được áp dụng trừ khi có các thiết lập khác cho chuyên mục con.

3.3.3.6 Các đối tượng của BibCollection – Bộ sưu tập thư mục

Thêm/sửa Đối tượng an ninh

Lưu
Bỏ qua
Trợ giúp

Đối tượng bảo vệ

Mã hệ thống:

1236

Ứng dụng:

DescriptiveRecordCollection

Module:

Cataloguing

Mã đối tượng:

1

Tên đối tượng:

Sách, chuyên khảo, tuyển tập

Mô tả:

Ảnh:

Duyệt

Xóa

Bộ sưu tập thư mục

Mã	Tiêu đề(vi)	Lệnh
1	Sách, chuyên khảo, tuyển tập	Chọn
10	Luận án	Chọn
11	Khung chương trình, chương trình chi tiết...	Chọn
12	Tiểu luận, BT nhóm, đề thi, danh mục, thư mục	Chọn
13	Kỷ yếu	Chọn
14	Hồ sơ sinh viên	Chọn
15	Bảng điểm cá nhân	Chọn

(Hình 2.10: Giao diện chọn BibCollection)

Để phân quyền quản lý cập nhật các biểu ghi thư mục trong một bộ sưu tập, KIPOS cho phép bạn thiết lập các đối tượng an ninh là bộ sưu tập thư mục. Phân quyền được kiểm tra trước khi thao tác

- **Mã đối tượng:** Mã có đường dẫn của bộ sưu tập thư mục
- **Tên đối tượng:** Tên bộ sưu tập thư mục
- **Mô tả:** Mô tả chi tiết cho bộ sưu tập

Chú ý: Việc phân quyền cho các đối tượng an ninh là bộ sưu tập thư mục – BibCollection có tính chất kế thừa phả hệ. Có nghĩa là nếu phân quyền cho một bộ sưu tập cha thì các bộ sưu tập con sẽ được áp dụng trừ khi có các thiết lập khác cho sưu tập con.

Quyền xem các biểu ghi thuộc các bộ sưu tập thư mục mặc định là cho phép.

3.3.3 Thiết lập quyền cho đối tượng

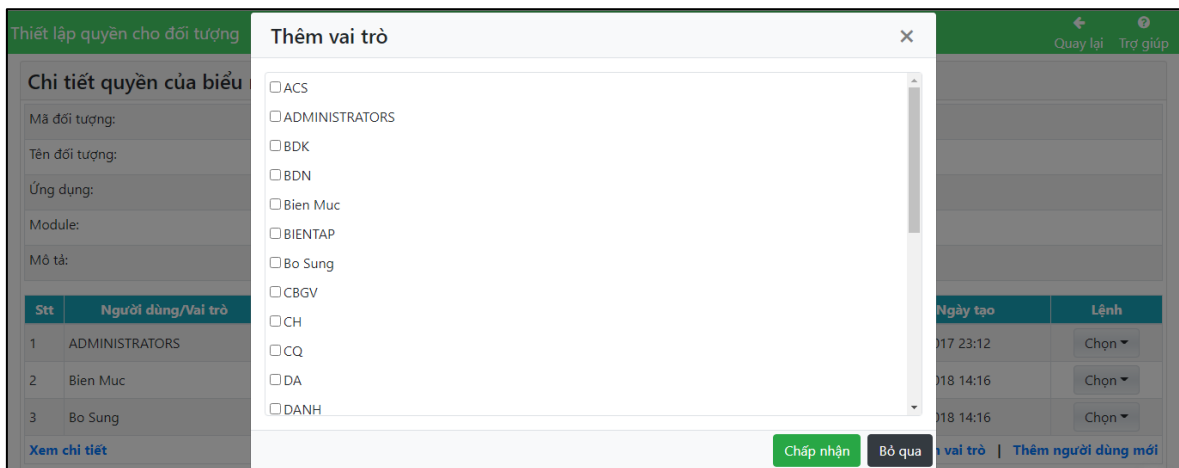
Thiết lập quyền cho nhóm hoặc một người dùng cụ thể được quyền làm gì trên đối tượng, hoặc thiết lập đối tượng là một phân tử công cộng (Everyone) ai cũng có thể xem, thêm, sửa, xóa.

Thiết lập quyền cho đối tượng										
Chi tiết quyền của biểu mẫu										
Mã đối tượng:	1									
Tên đối tượng:	Sách, chuyên khảo, tuyển tập									
Ứng dụng:	DescriptiveRecordCollection									
Module:	Cataloguing									
Mô tả:										
Stt	Người dùng/Vai trò	Xem	Thêm	Sửa	Xóa	Người sửa	Ngày sửa	Người tạo	Ngày tạo	Lệnh
1	ADMINISTRATORS	✓	✓	✓	✓	tinhth	21/11/2017 23:12	tinhth	21/11/2017 23:12	Chọn ▾
2	Bien Muc	✓	✓	✓	✓	thachvv	15/01/2018 14:16	thachvv	15/01/2018 14:16	Chọn ▾
3	Bo Sung	✓	✓	✓	✓	thachvv	15/01/2018 14:16	thachvv	15/01/2018 14:16	Chọn ▾
Xem chi tiết		Thêm vai trò Thêm người dùng mới								

(Hình 17: Thiết lập quyền cho đối tượng an ninh)

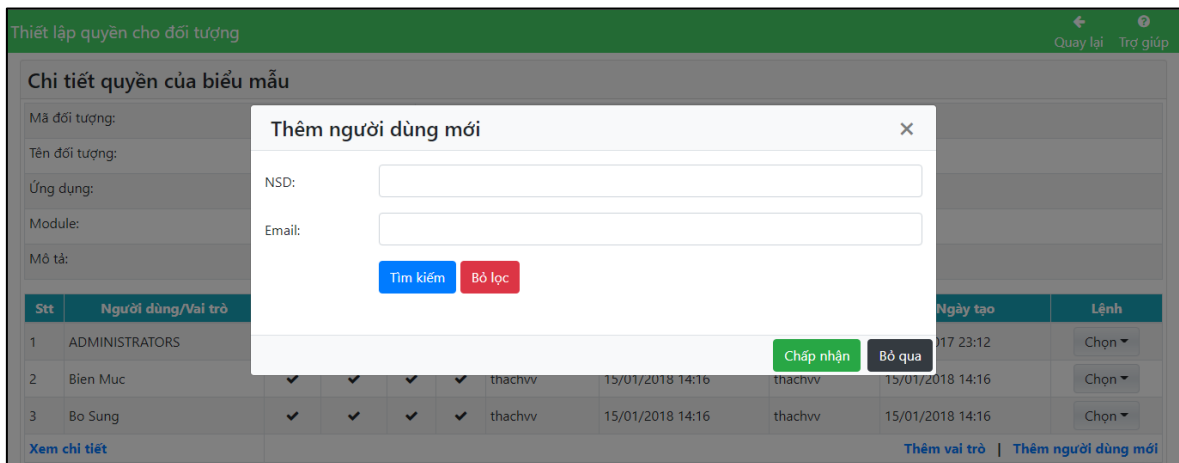
- **Người dùng/Vai trò:** Tên người dùng hoặc nhóm người dùng
- **Xem:** Quyền được xem nội dung đối tượng quản lý
- **Thêm:** Quyền được thêm bản ghi, folder, bài viết... đối tượng quản lý
- **Sửa:** Quyền được sửa nội dung đối tượng quản lý
- **Xóa:** Quyền được xóa nội dung đối tượng quản lý
- **Thêm vai trò:** Thêm nhóm người dùng
- **Thêm người dùng mới:** Thêm một hay nhiều người dùng
- **Xem chi tiết:** Liệt kê danh sách người được thiết lập quyền trên đối tượng.
- **Lệnh Chọn => Xóa:** Xóa Người dùng/Vai trò, chọn xóa
- **Lệnh Chọn => Sửa:** Sửa thiết lập quyền cho Người dùng/Vai trò

Thêm vai trò: Chọn nhóm người dùng và ấn Chấp nhận, quyền mặc định của vai trò mới là Xem, giao diện như sau:



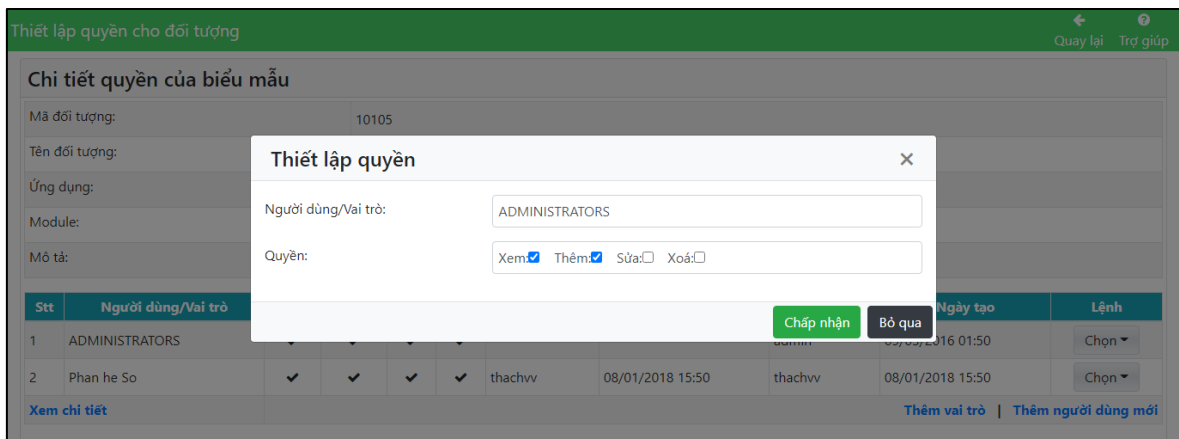
(Hình 18: Thêm nhóm người dùng)

Thêm người dùng: nhập **Người dùng** hoặc **Email** và ấn tìm kiếm, sau đó chọn người dùng muốn phân quyền và ấn chấp nhận. Nếu người dùng đã được phân quyền thì sẽ có thông báo.



(Hình 19: Thêm người dùng)

Sửa thiết lập quyền cho đối tượng: thay đổi quyền Xem, thêm, sửa, xóa của nhóm hoặc người dùng trên đối tượng.



(Hình 20: Sửa thiết lập quyền cho đối tượng)

3.3.3.1 Nguyên tắc thiết lập quyền cho đối tượng

a) Ưu tiên quyền phủ định

Khi thiết lập quyền cho đối tượng, chúng ta có thể thêm nhiều nhóm hay người dùng để sử dụng đối tượng đó. Một người dùng lại có thể thuộc nhiều nhóm hoặc có thể là một người dùng cụ thể. Ta thấy người dùng có nhiều vai trò khác nhau, vì vậy chỉ cần 01 vai trò không được quyền (xem, thêm, sửa, xóa) thì người dùng sẽ không có quyền đó.

Ví dụ: usertest là 01 người dùng cụ thể nhưng cũng thuộc nhóm ADMINISTRATOR, USERS

Thiết lập quyền cho đối tượng										
Chi tiết quyền của biểu mẫu										
Mã đối tượng:					10407					
Tên đối tượng:					frmVendors					
Ứng dụng:					KIPOSCClient					
Module:					Acquisitions					
Mô tả:					Danh mục Nhà cung cấp					
Stt	Người dùng/Vai trò	Xem	Thêm	Sửa	Xóa	Người sửa	Ngày sửa	Người nhập	Ngày tạo	Lệnh
1	ADMINISTRATORS	✓	✓	✓	✓			admin	24/10/2016 22:40	Sửa Xóa
2	BAOTRIDAUMUC	✓	✓	✓	✓	trangthuvien	03/11/2016 15:00	trangthuvien	03/11/2016 15:00	Sửa Xóa
3	BM_LT	✓	✓	✓	✓	trangthuvien	17/04/2017 09:04	trangthuvien	17/04/2017 09:04	Sửa Xóa
4	BOSUNG	✓	✓	✓	✓			admin	24/10/2016 22:40	Sửa Xóa
5	usertest	✓	✓	✓		tinhtx	12/06/2018 14:26	tinhtx	12/06/2018 14:25	Sửa Xóa
Xem chi tiết	Thêm vai trò Thêm người dùng mới									

(Hình 21: Ví dụ nguyên tắc thiết lập quyền cho đối tượng)

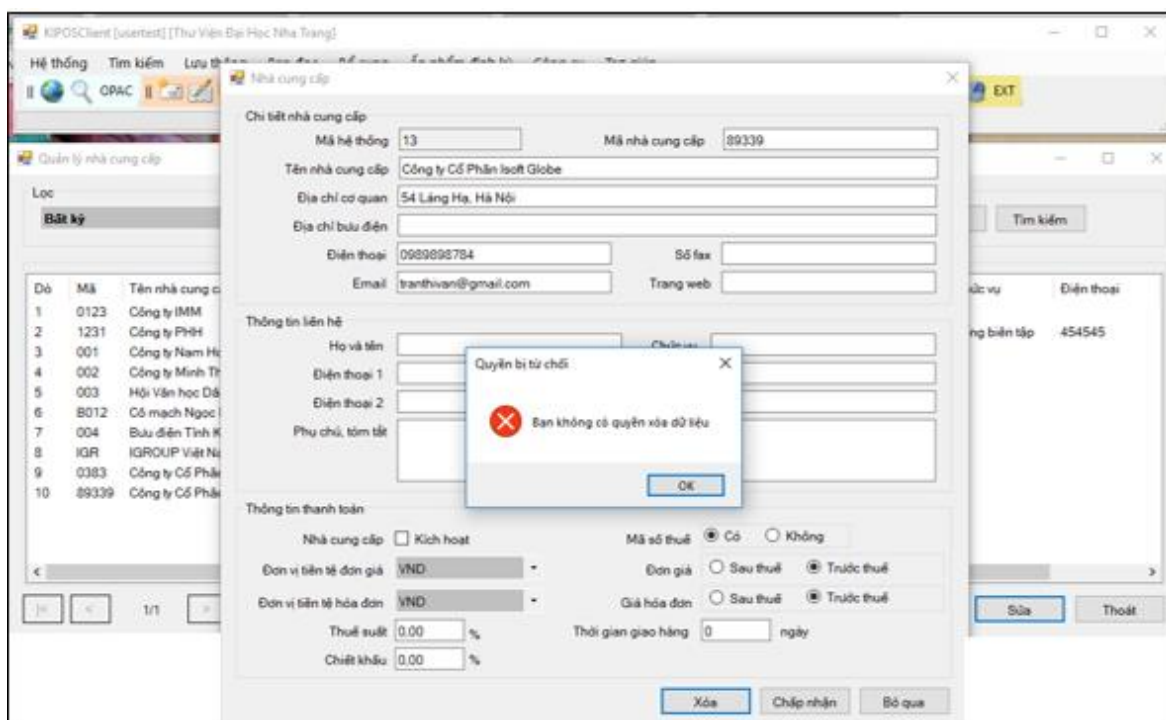
Quyền **Xem**: quyền này được dùng

Quyền **Thêm**: quyền này được dùng

Quyền **Sửa**: quyền này được dùng

Quyền **Xóa**: usertest không được cấp vì thế quyền này bị chặn (Xem hình 22)

=> Khi đăng nhập KIPOS Client tài khoản usertest chỉ được xem, thêm và sửa trên form frmVendor (Thông tin nhà cung cấp).



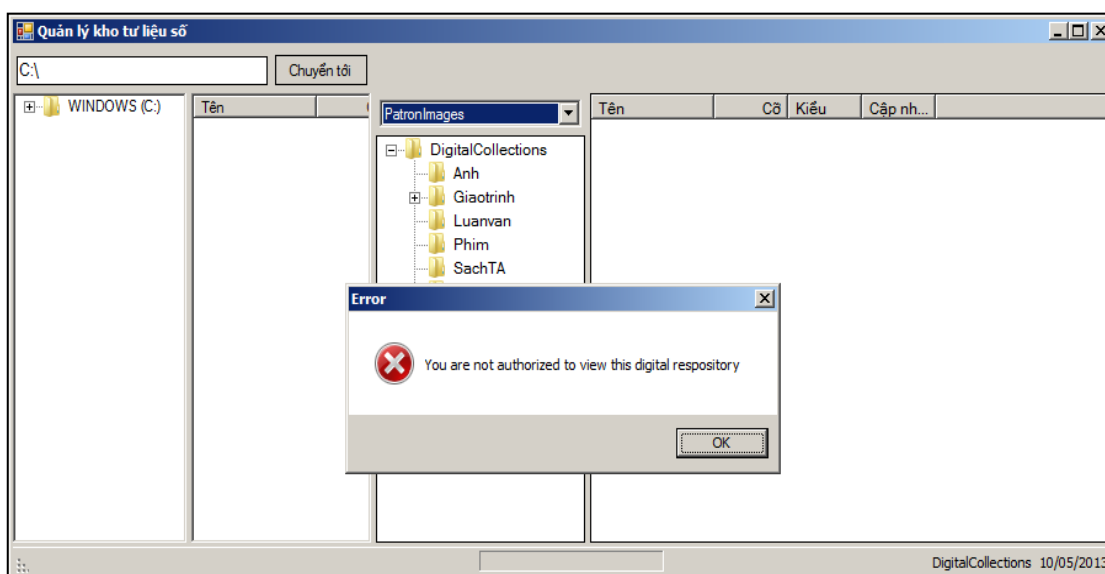
(Hình 22: Ngăn chặn quyền xóa)

b) Thiết lập quyền cho đối tượng thuộc ứng dụng WebFolder

Nếu chưa được thiết lập phân quyền thì người dùng chưa được thao tác trên folder đó. Folder được thiết lập quyền thì các folder con đều được kế thừa.

Khi folder cha không cho quyền Xem thì mọi thiết lập quyền với folder con đều vô tác dụng.

Quyền Thêm, Sửa, Xóa: Khi folder cha và folder con đều được thiết lập quyền, thì quyền của folder con là quyền cao nhất được dùng (chú ý: quyền Xem trên 2 loại folder phải đều cho phép).

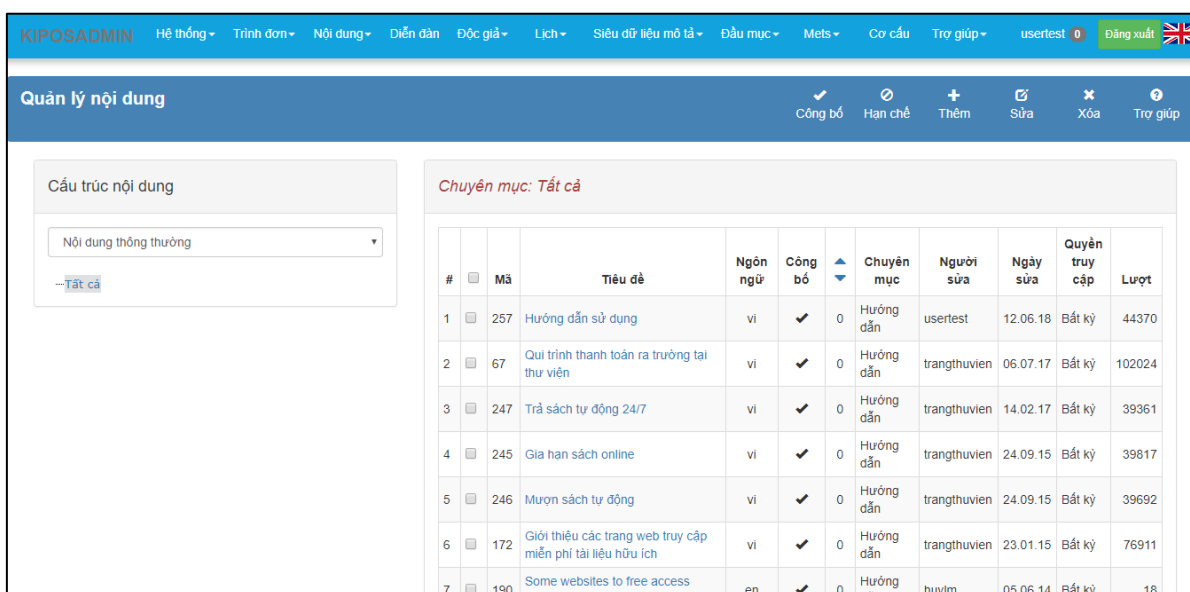


(Hình 23: Ngăn chặn quyền thao tác trên thư mục)

c) Thiết lập quyền cho đối tượng thuộc ứng dụng WebContentCategory

Nếu chưa được thiết lập phân quyền thì người dùng sẽ không nhìn thấy các vùng nội dung chưa được thao tác trên vùng nội dung đó. Khi ấn vào **Tất cả** thì sẽ hiện ra tất cả các nội dung mà người dùng có thể thao tác (Xem, thêm, sửa, xóa). Vùng nội dung được thiết lập quyền thì các vùng nội dung con bên trong được kế thừa.

Khi vùng nội dung cha và vùng nội dung con đều được thiết lập thì quyền của vùng nội con là quyền cao nhất được dùng.

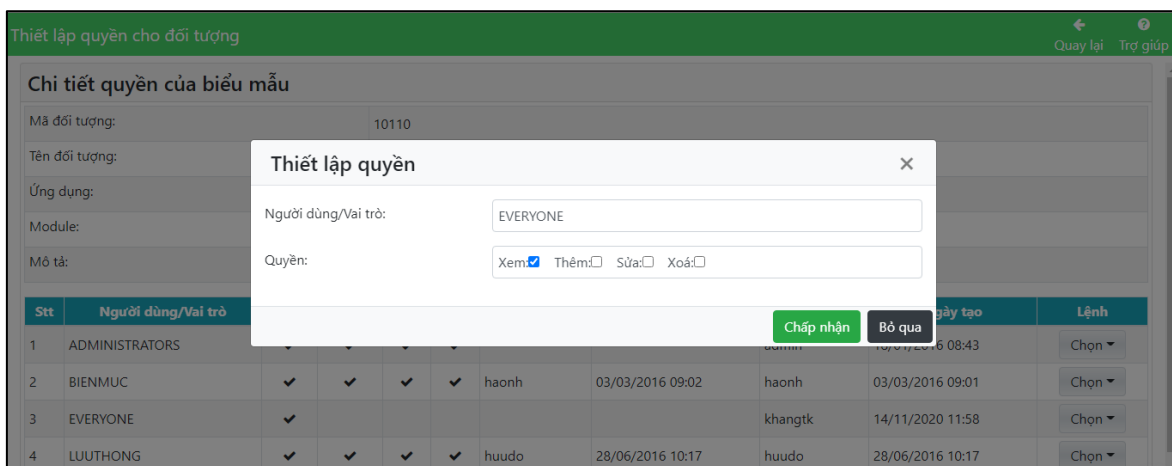


#	Mã	Tiêu đề	Ngôn ngữ	Công bố	Chuyên mục	Người sửa	Ngày sửa	Quyền truy cập	Lượt
1	257	Hướng dẫn sử dụng	vi	✓	Hướng dẫn	usertest	12.06.18	Bất kỳ	44370
2	67	Quy trình thanh toán ra trường tại thư viện	vi	✓	Hướng dẫn	trangthuvien	06.07.17	Bất kỳ	102024
3	247	Trả sách tự động 24/7	vi	✓	Hướng dẫn	trangthuvien	14.02.17	Bất kỳ	39361
4	245	Gia hạn sách online	vi	✓	Hướng dẫn	trangthuvien	24.09.15	Bất kỳ	39817
5	246	Mượn sách tự động	vi	✓	Hướng dẫn	trangthuvien	24.09.15	Bất kỳ	39692
6	172	Giới thiệu các trang web truy cập miễn phí tài liệu hữu ích	vi	✓	Hướng dẫn	trangthuvien	23.01.15	Bất kỳ	76911
7	190	Some websites to free access	en	✓	Hướng dẫn	huyim	05.06.14	Bất kỳ	18

(Hình 24: Không nhìn thấy các vùng nội dung khi chưa được phân quyền)

d) Thiết lập quyền cho đối tượng công cộng

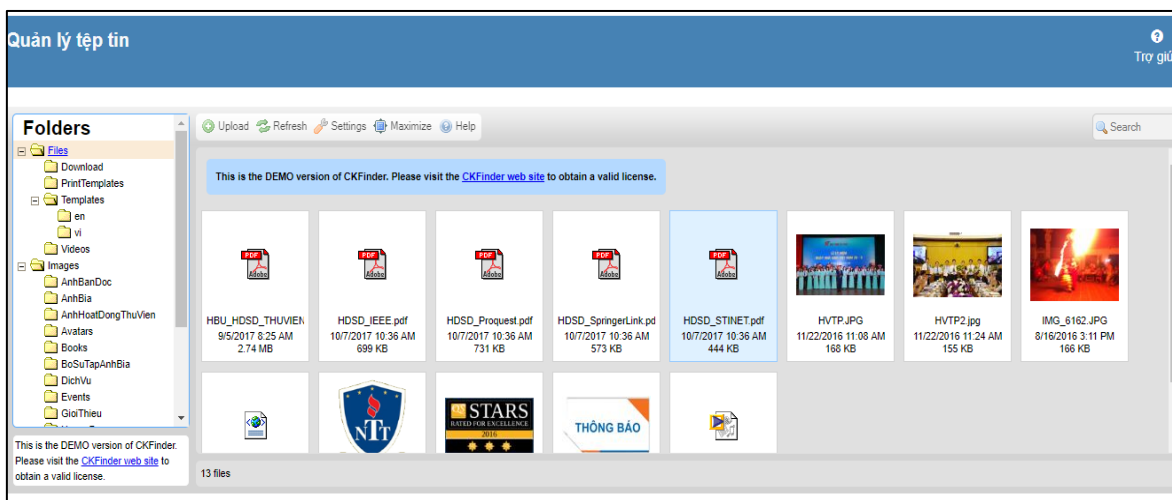
Ngoài những đối tượng cần phân quyền cho nhóm hay người dùng cụ thể, thì chúng ta cũng cần những đối tượng mà ai cũng có thể vào được và thực hiện những quyền cơ bản. Những đối tượng này được gọi là những đối tượng công cộng. Đối tượng công cộng là đối tượng mà ai cũng có thể **Xem** được, hoặc thực hiện các quyền **Thêm, Sửa, Xóa**. Những quyền này tùy vào chúng ta cấu hình.



(Hình 25: Thiết lập quyền cho đối tượng công cộng)

3.4 Quản lý tệp tin

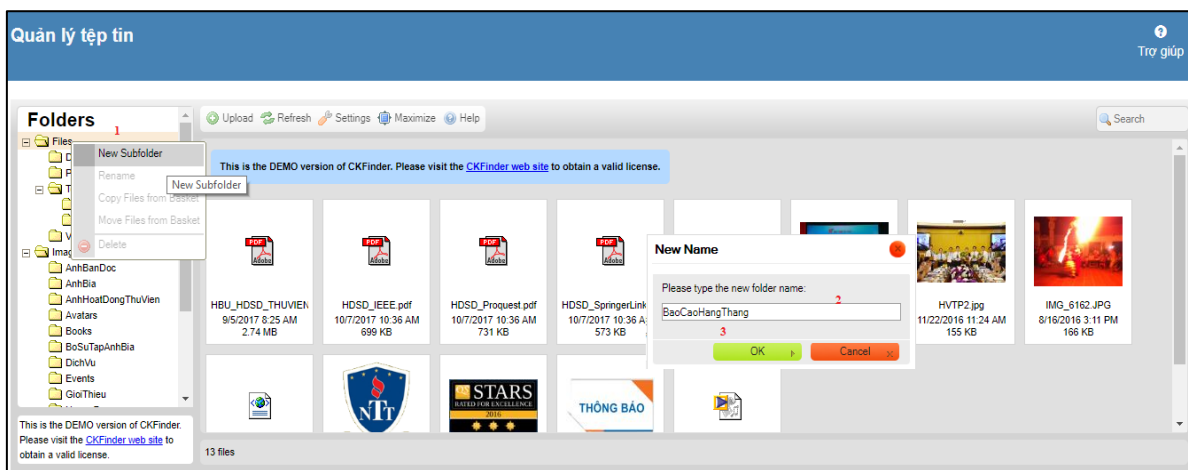
Để giúp khách hàng quản lý dễ dàng và hiệu quả hơn từ các files ảnh, video, flash hay các văn bản, tài liệu... chúng tôi có tích hợp bộ CKFinder. Để quản lý tệp tin bạn thực hiện **Hệ thống > Tệp tin**. Tại đây cho phép bạn dễ dàng thực hiện các thao tác quản lý tệp như: tải lên (upload), thiết lập (settings), đổi tên (rename), xóa (delete), tạo thư mục (new folder)...



(Hình 26: Giao diện trang Quản lý tệp)

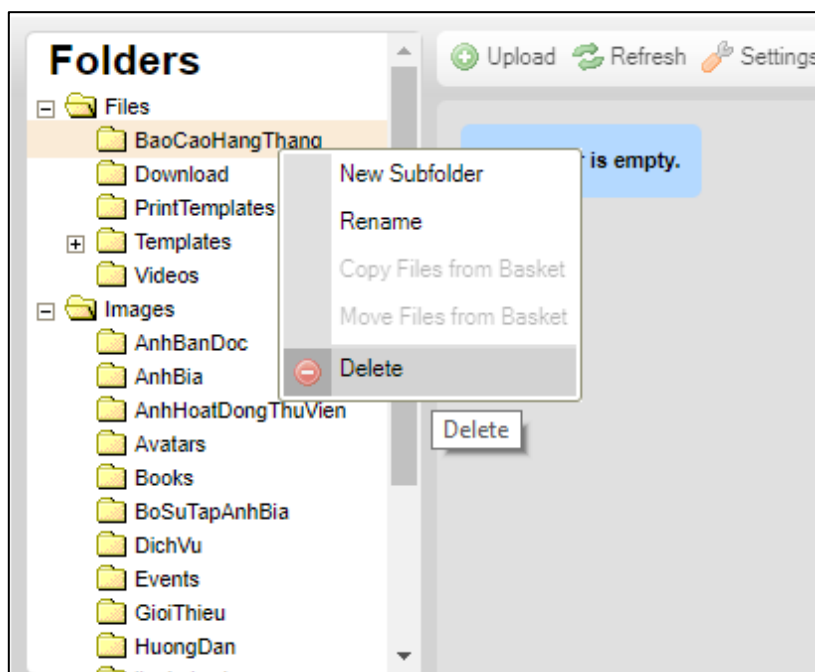
Chú ý: Bạn không xóa bất cứ tệp tin nào trong Folder **Templates** vì đây là thư mục quan trọng chứa các tệp *.xslt, *.lbl, *.wfm là tệp hiển thị dữ liệu của hệ thống, nếu xóa có thể gây lỗi cho hệ thống & khiến hệ thống không thể vận hành được.

Để thêm mới một *Subfolder* (thư mục con) bạn chọn phải chuột vào thư mục cha và chọn **New Subfolder**: ví dụ tạo mới một Subfolder là BaoCaoHangThang (báo cáo hàng tháng) với thư mục cha là File ta làm như hình sau:



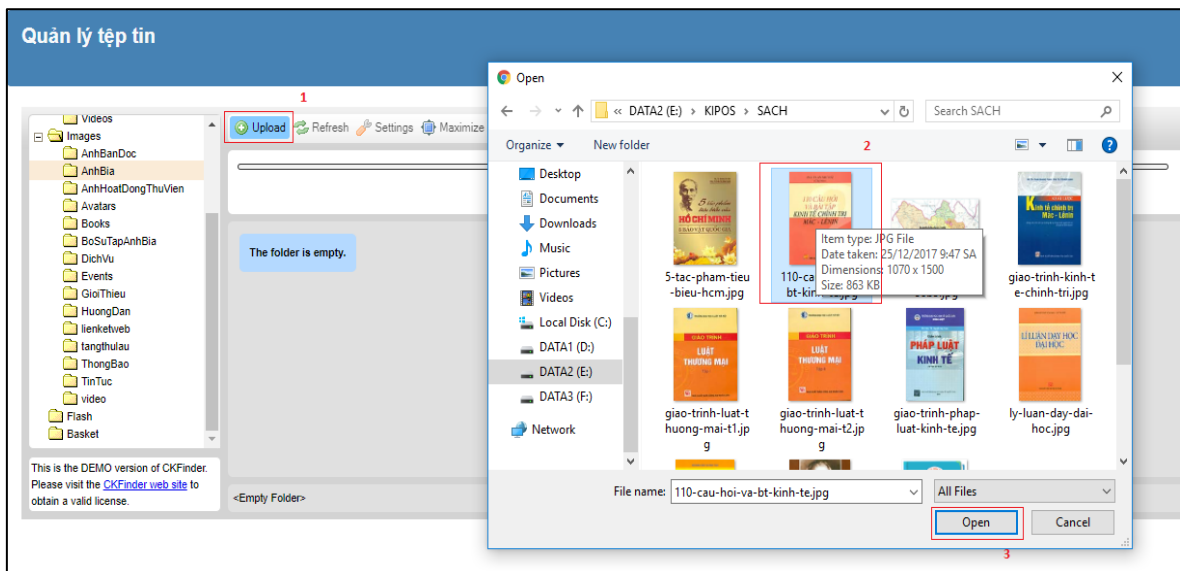
(Hình 27: Minh họa thêm một Subfolder)

Để đổi tên (rename), xóa (delete) ta chọn phải chuột vào thư mục cần đổi tên (xóa) chọn chức năng tương ứng.



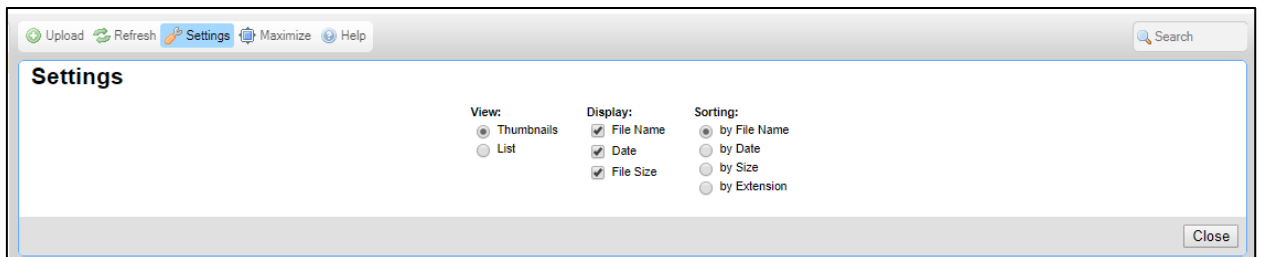
(Hình 28: đổi tên/xóa một thư mục)

Để tải lên một tệp tin bạn click chuột vào **Upload > Chọn File > Open**.



(Hình 29: Minh họa tải lên một tệp)

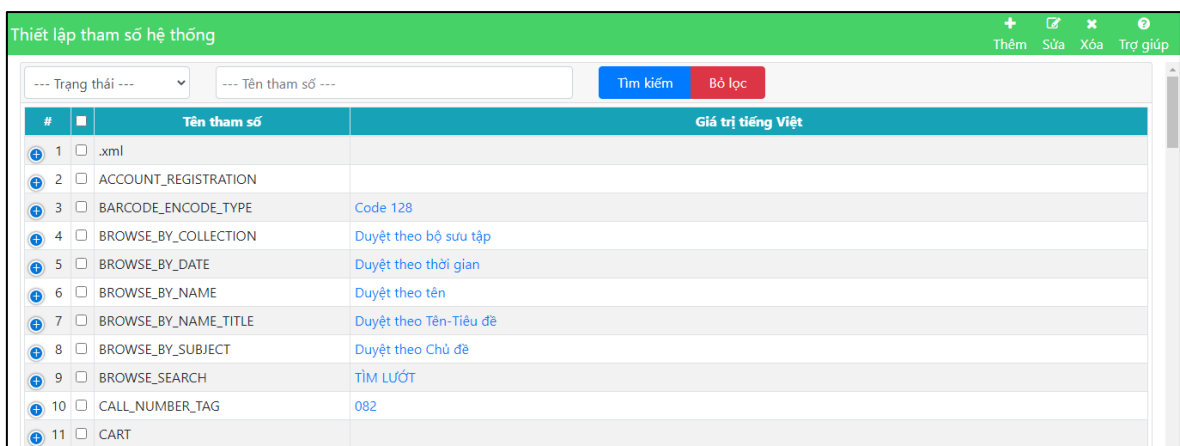
Thiết lập (settings) hệ thống có thể cho ta thay đổi khung nhìn (danh sách, hình thu nhỏ), kiểu hiển thị (tên tệp, ngày, kích cỡ tệp) hoặc sắp xếp (theo thứ tự tên, ngày, kích cỡ tệp).



(Hình 30: Thiết lập quản lý tệp)

3.5 Thiết lập tham số hệ thống

Trong tham số hệ thống ta có thể cung cấp các thông tin về tiêu đề, địa chỉ, điện thoại, thư điện tử, các thẻ miêu tả, số người truy cập, khuôn mẫu nội dung nào đó... Để vào thiết lập tham số hệ thống ta thực hiện: **Hệ thống > Tham số hệ thống**.



(Hình 31: Thiết lập tham số hệ thống)

- **Thêm:** thêm mới một tham số hệ thống.
- **Sửa:** cập nhật tham số hệ thống mới.
- **Xóa:** xóa một hoặc nhiều tham số hệ thống.

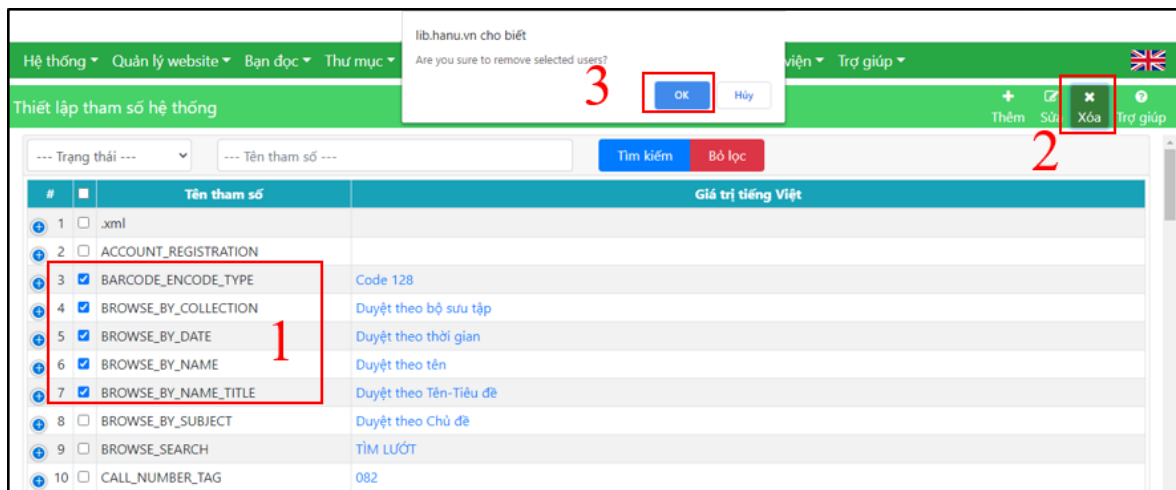
Thêm mới tham số: chọn **Thêm** trong **Thiết lập tham số** để thêm mới một tham số.

(Hình 32: Thêm tham số)

- **Tên tham số:** tên của tham số mới, không trùng với tham số đã có.
- **Loại:** loại tham số (tự điền, chưa xác định, đăng ký...) để phân loại tham số.
- **Giá trị tiếng việt:** giá trị tiếng việt của tham số.
- **Giá trị tiếng Anh:** giá trị tiếng Anh của tham số.
- **Mô tả:** mô tả chung về tham số đó.
- **Lưu:** lưu tham số mới (thêm mới tham số).
- **Bỏ qua:** thao tác hủy.

Sửa tham số: đánh dấu vào tham số cần sửa sau đó chọn nút **Sửa** để thay đổi các giá trị & mô tả của tham số (giống trong phần Thêm tham số) sau đó chọn **Lưu** để cập nhật tham số hoặc **Bỏ qua** để hủy bỏ thao tác.

Xóa tham số: đánh dấu vào tham số cần xóa sau đó chọn **Xóa**, một hộp thoại xác nhận xóa sẽ hiện ra chọn **OK** để xóa hoặc **Cancel** để hủy. (Ta có thể xóa nhiều tham số cùng một lúc).



(Hình 33: Minh họa Xóa tham số)

Chú ý: Khi hệ thống LEGOWEBSITE cần một tham số, nếu tham số đó chưa tồn tại trong CSDL, hoặc đã bị xóa, hệ thống sẽ tạo ra tham số này với giá trị rỗng và mô tả là *Parameter is not set*.

3.6 Xuất khẩu siêu dữ liệu

Xuất khẩu siêu dữ liệu cho phép bạn chủ động trong việc sao lưu lại cơ sở dữ liệu của mình để đề phòng các trường hợp mất mát dữ liệu do nhiều yếu tố (hacker, virus...). Để mở trang xuất khẩu siêu dữ liệu thao tác như sau: **Hệ thống > Xuất khẩu siêu dữ liệu**.

➤ Kiểu đặt lọc:

- Theo chuyên mục: là kiểu backup database theo các chuyên mục nội dung.
- Theo mã số: là kiểu backup database theo một khoảng được định sẵn. Ví dụ bạn chọn theo mã số từ 1 đến 1000 có nghĩa là hệ thống sẽ backup lại toàn bộ cơ sở dữ liệu tại nơi có ID từ 1 đến 1000.
- Theo các bảng hệ thống: là kiểu backup database theo các bảng của hệ thống.

➤ Vùng tin:

- Nội dung thông thường: bao gồm các bản ghi về các dữ liệu như bài viết, thông báo, tin tức...vv.
- Nội dung đặc thù: bao gồm các bản ghi thể hiện Banner, flash, video...

➤ Chuyên mục: Bao gồm các chuyên mục dữ liệu, chọn chuyên mục muốn backup.

Xuất khẩu: Đồng ý xuất khẩu siêu dữ liệu.

Bỏ qua: hủy bỏ thao tác.

(Hình 34: Xuất khẩu siêu dữ liệu)

Sau khi xuất khẩu siêu dữ liệu ta sẽ được một tệp có định dạng *.xml, bạn hãy đổi tên (rename) tệp xml đó và lưu trữ chúng cẩn thận để chúng ta có thể khôi phục cơ sở dữ liệu nếu gặp trục trặc, hoặc chuyển đổi dữ liệu sang hệ thống khác.

3.7 Nhập khẩu siêu dữ liệu

Ngược với xuất khẩu siêu dữ liệu thì nhập khẩu siêu dữ liệu cho ta khôi phục cơ sở dữ liệu đã sao lưu trước đó bằng xuất khẩu siêu dữ liệu. Ta thực hiện như sau **Hệ thống > Nhập khẩu siêu dữ liệu**.

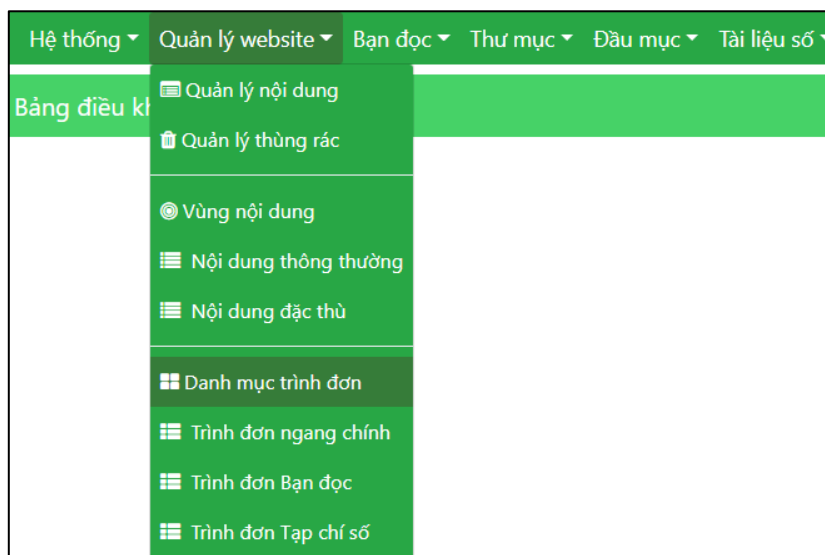
(Hình 35: Nhập khẩu siêu dữ liệu)

- **Duyệt:** duyệt tới thư mục chứa tệp xml của bạn cần khôi phục (lưu ý chọn đúng tệp cần khôi phục để tránh nhầm lẫn).
- **Phân tích:** phân tích tệp xml đó. Sau khi phân tích, chương trình sẽ cung cấp các lựa chọn để thực hiện thao tác nhập khẩu dữ liệu: ghi đè, ghi vào chuyên mục...
- **Nhập khẩu:** Nhập khẩu siêu dữ liệu.
- **Bỏ qua:** hủy bỏ thao tác.

3.8 Quản lý trình đơn

Trình đơn là các mục điều hướng người sử dụng website – Hệ quản trị trang web phía trước (front end). Một website thường có một hoặc một số trình đơn, mỗi trình đơn bao gồm các mục trình đơn quan hệ cấp cha con.

Để truy cập vào quản lý trình đơn, tại giao diện KIPOSADMIN bạn chọn **Quản lý website => Danh mục trình đơn**.



Danh mục trình đơn: Chức năng quản lý tạo sửa các trình đơn.

Các trình đơn đã được tạo: Truy cập vào mỗi trình đơn này để quản lý chi tiết thông tin của trình đơn. Mặc định chương trình có 2 trình đơn đó là **Trình đơn ngang chính (Mục trình đơn bar)** được dùng vào việc hiển thị các trình đơn ngang và **Trình đơn bên cạnh (Mục trình đơn left)** được dùng để hiển thị các trình đơn hai bên.

➤ **Danh mục trình đơn:** Nhấp vào mục này để vào giao diện quản lý trình đơn. Chỉ có những người dùng thuộc nhóm ADMINISTRATORS mới có quyền thực hiện chức năng này.

Quản lý trình đơn							+		
							Thêm	Sửa	Tạo giúp
#	■	Mã	Tiêu đề(vi)	Tiêu đề(en)	Chi tiết	Mô tả	Lệnh		
1	☐	1	Trình đơn ngang chính	Main Menubar		Trình đơn chính của website	Chọn ▾		
2	☐	2	Trình đơn Bạn đọc	Patron Information Menu		Trình đơn thông tin bạn đọc	Chọn ▾		
3	☐	3	Trình đơn Tạp chí số	E-Journal Menu		Trình đơn chuyên trang Tạp chí số	Chọn ▾		
4	☐	4	Lưu trữ	Archive		Trình đơn Lưu trữ	Chọn ▾		
5	☐	5	Liên kết website	List site link			Chọn ▾		
6	☐	6	Cơ sở dữ liệu	Database			Chọn ▾		

Trình bày: 10 ▾

(Hình 36: Danh mục trình đơn)

- **Thêm:** Để tạo mới một trình đơn, nhấn vào nút Thêm trên thanh công cụ chính.

Chi tiết [X]

Mã:

Tiêu đề(vi):

Tiêu đề(en):

Mô tả:

Ngày tạo:

Ngày sửa:

[Chấp nhận] [Bỏ qua]

(Hình 37: Giao diện Thêm/ Sửa trình đơn)

+ **Mã:** mã của trình đơn mới, nếu trùng mã cũ thì sẽ tiến hành cập nhật trình đơn với mã đó (*lưu ý khi đặt mã trình đơn*). Mã trình đơn sẽ được tham chiếu trong các module giao diện trình đơn trong Hệ quản trị trang web phía trước LEGOWEB

+ **Tiêu đề(vi):** tiêu đề tiếng việt của trình đơn.

+ **Tiêu đề(en):** tiêu đề tiếng Anh của trình đơn.

+ **Mô tả:** mô tả về trình đơn mới.

+ **Lưu:** lưu thông tin trình đơn mới (thêm mới trình đơn).

+ **Bỏ qua:** hủy bỏ thao tác thêm.

- **Sửa:** Để cập nhật thông tin một trình đơn, bạn tích chọn vào ô bên cạnh trình đơn và nhấn vào nút Sửa. Hoặc bạn cũng có thể nhấp trực tiếp vào tên trình đơn để vào giao diện sửa.

Quản lý trình đơn [Thêm] [Sửa] [Trợ giúp]

#	Mã	Tiêu đề(vi)	Tiêu đề(en)	Chi tiết	Mô tả	Lệnh
1	1	Trình đơn ngang chính	Main Menubar		Trình đơn chính của website	Chọn ▾
2	2	Trình đơn Bạn đọc	Patron Information Menu		Trình đơn thông tin bạn đọc	Chọn ▾
3	3	Trình đơn Tạp chí số	E-Journal Menu		Trình đơn chuyên trang Tạp chí số	Chọn ▾
4	4	Lưu trữ	Archive		Trình đơn Lưu trữ	Chọn ▾
5	5	Liên kết website	List site link			Chọn ▾
6	6	Cơ sở dữ liệu	Database			Chọn ▾

Trình bày: 10 ▾

Thông tin về trình đơn đó sẽ được hiện ra, bạn điền các thông tin cập nhật về trình

đơn đó sau đó chọn nút **Lưu** để cập nhật hoặc **Bỏ qua** để hủy thao tác. Ví dụ minh họa cho sửa trình đơn:

(Hình 38: Minh họa sửa trình đơn)

- **Xóa:** Để xóa một trình đơn, bạn kích vào **Chọn** => **Xóa**, một hộp thoại xác nhận xóa trình đơn sẽ hiện ra bạn chọn **OK** nếu muốn xóa và **HỦY** để hủy thao tác. Ví dụ như tôi minh họa sau:

#	Mã	Tiêu đề(vi)	Tiêu đề(en)	Chi tiết	Mô tả	Lệnh
1	1	Trình đơn ngang chính	Main Menubar		Trình đơn chính của website	Chọn ▾
2	2	Trình đơn Bạn đọc	Patron Information Menu		Trình đơn thông tin bạn đọc	Chọn ▾
3	3	Trình đơn Tạp chí số	E-Journal Menu		Trình đơn chuyên trang Tạp chí số	Chọn ▾
4	4	Lưu trữ	Archive		Trình đơn Lưu trữ	Chọn ▾
5	5	Liên kết website	List site link			Chọn ▾
6	6	Cơ sở dữ liệu	Database			Chọn ▾

(Hình 39: Minh họa xóa trình đơn)

- **Chi tiết:** Để xem chi tiết các mục được quản lý trong một trình đơn, bạn nhấn vào biểu tượng  trong cột chi tiết tương ứng.

➤ Quản lý chi tiết trình đơn

Như đã trình bày việc quản lý các trình đơn (thêm, cập nhật, xóa) ở phần trên, bây giờ ta sẽ đi chi tiết về quản lý nội dung trong các trình đơn đã được tạo ra. Muốn

xem chi tiết nội dung ở trình đơn nào ta chọn biểu tượng  như đã trình bày ở trên.

Chú ý: Một trình đơn bao gồm các mục trình đơn có quan hệ cha con, mỗi mục trình đơn có mã duy nhất trong toàn bộ hệ thống. Các mục trình đơn của các trình đơn khác nhau có thể có quan hệ cha con.

Mỗi mục trình đơn sẽ chứa địa chỉ điều hướng người dùng tới một địa chỉ URL, địa chỉ đó có thể thuộc website hoặc là địa chỉ bên ngoài.

Ví dụ: ta thao tác quản lý ở “Trình đơn ngang chính” ta có giao diện như sau:

[1] Trình đơn ngang chính								
Công bố Hạng chế Thêm Sửa Trợ giúp								
#		Mã	Tiêu đề(vi)	Tiêu đề(en)	Liên kết(vi)	Liên kết(en)	Công bố	Sắp xếp
1		20	Cơ sở dữ liệu	Database				Đăng ký 00
2		11	Trang chủ	Home	Default.aspx?mnuid=11	Default.aspx?mnuid=11		Bắt kỳ 01
3		12	Giới thiệu	Giới thiệu	contentnavigator.aspx?catid=1000	contentnavigator.aspx?catid=1000		Bắt kỳ 02
4		121	Đội ngũ cán bộ	Đội ngũ cán bộ	introduction.aspx?mnuid=121&contentid=2070	introduction.aspx?mnuid=121&contentid=2070		Bắt kỳ 02/00
5		122	Cơ cấu tổ chức	Cơ cấu tổ chức	introduction.aspx?mnuid=122&contentid=2	introduction.aspx?mnuid=122&contentid=2		Bắt kỳ 02/00
6		123	Định hướng phát triển	Định hướng phát triển	introduction.aspx?mnuid=123&contentid=2071	introduction.aspx?mnuid=123&contentid=2071		Bắt kỳ 02/00
7		124	Tài nguyên và dịch vụ	Tài nguyên và dịch vụ	introduction.aspx?mnuid=124&contentid=2072	introduction.aspx?mnuid=124&contentid=2072		Bắt kỳ 02/00
8		125	Lịch sử	Lịch sử	introduction.aspx?mnuid=125&contentid=2073	introduction.aspx?mnuid=125&contentid=2073		Bắt kỳ 02/00

(Hình 40: Trang quản lý Trình đơn ngang chính)

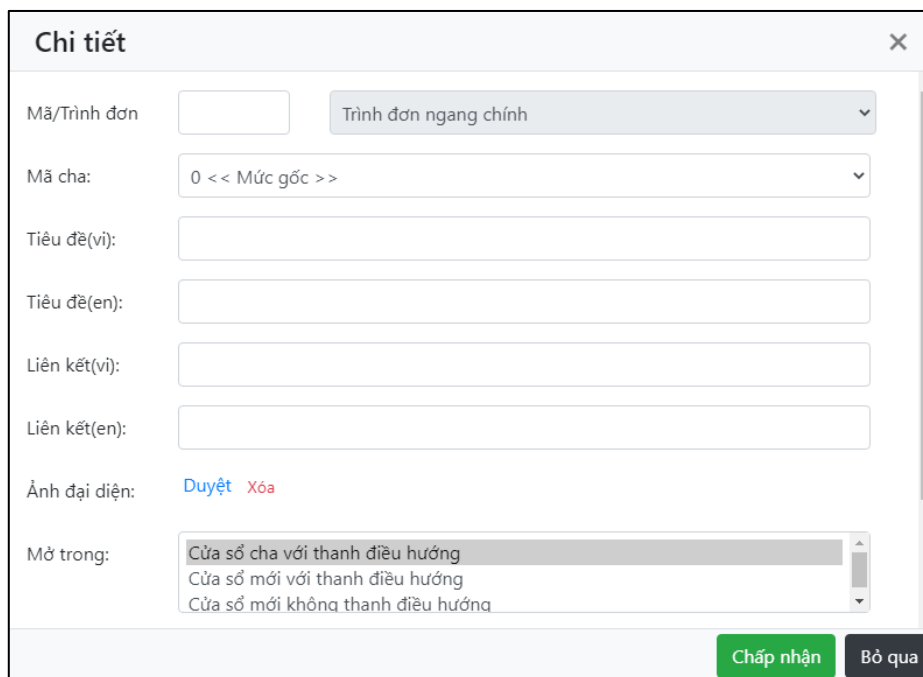
- **Thêm:** Để thêm mới một mục trình đơn trong giao diện quản trị, ta nhấp chọn nút **Thêm**, cửa sổ thêm Mục trình đơn mới sẽ được hiện ra, bạn phải khai báo một số thông tin về Mục trình đơn đó như sau:

- + **Mã:** là mã định danh của Mục trình đơn, duy nhất trong toàn hệ thống.
- + **Trình đơn:** là Trình đơn mà Mục trình đơn thuộc vào.
- + **Mã cha:** Mục trình đơn cha của Mục trình đơn hiện tại nếu có.
- + **Tiêu đề (vi):** tên tiếng Việt của Mục trình đơn.
- + **Tiêu đề (en):** tên tiếng Anh của Mục trình đơn.
- + **Liên kết:** địa chỉ liên kết của Mục trình đơn hiện tại có dạng [http://www.yourdomain/webpages.aspx?mnuid="Mã"](http://www.yourdomain/webpages.aspx?mnuid=) (với *yourdomain* là tên miền trang Web, *webpages.aspx* là một trang web được hiển thị, “Mã” ở đây trùng với Mã là ID Mục trình đơn đã được đăng ký ở trên). Ngoài ra còn có thể có các tham số cần thiết khác.

- + **Ảnh đại diện:** hình ảnh đại diện của Mục trình đơn đó.
- + **Công bố:** tình trạng công bố của Mục trình đơn (có hoặc không, nếu có Mục

trình đơn sẽ được công bố và ngược lại).

- + **Mở trong:** là kiểu hiển thị trang khi người dùng nhấp chuột vào liên kết đó.
- + **Lưu:** thêm mới Mục trình đơn với những thông tin được khai báo ở trên.
- + **Bỏ qua:** hủy thao tác.



The screenshot shows a web form titled "Chi tiết" (Details) with a close button (X) in the top right corner. The form contains the following fields and controls:

- Mã/Trình đơn:** A text input field followed by a dropdown menu currently showing "Trình đơn ngang chính".
- Mã cha:** A dropdown menu showing "0 << Mức gốc >>".
- Tiêu đề(vi):** A text input field.
- Tiêu đề(en):** A text input field.
- Liên kết(vi):** A text input field.
- Liên kết(en):** A text input field.
- Ảnh đại diện:** A label followed by two links: "Duyệt" (blue) and "Xóa" (red).
- Mở trong:** A dropdown menu with three options: "Cửa sổ cha với thanh điều hướng", "Cửa sổ mới với thanh điều hướng", and "Cửa sổ mới không thanh điều hướng".
- Buttons:** At the bottom right, there are two buttons: "Chấp nhận" (green) and "Bỏ qua" (grey).

(Hình 41: Minh họa thêm mới Mục trình đơn)

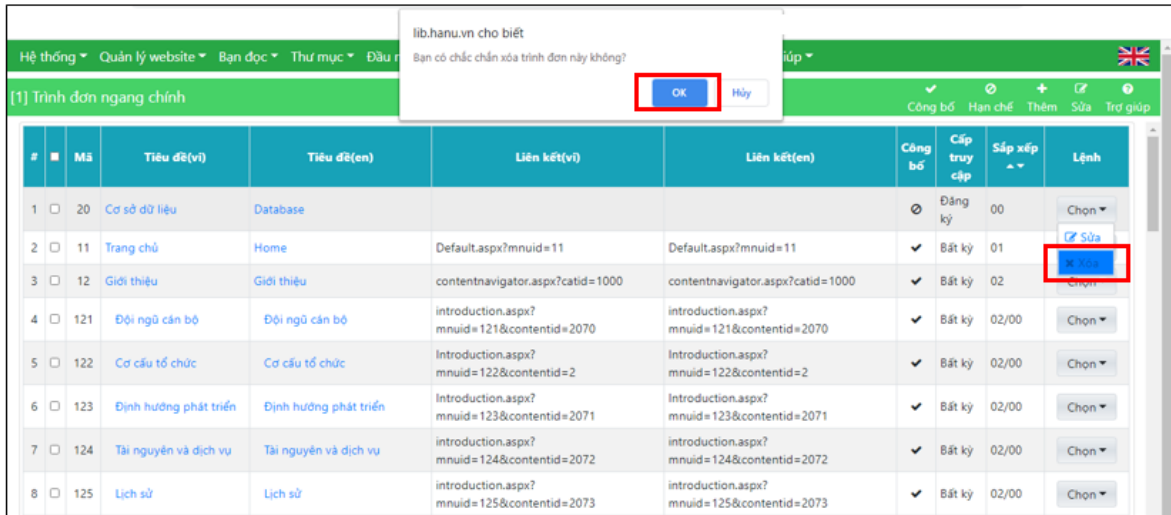
– **Sửa:** Để sửa một Mục trình đơn trong giao diện quản lý, ta tích chọn Mục trình đơn cần sửa sau đó nhấp chọn nút **Sửa** trên giao diện quản lý hoặc nhấn vào link **Tiêu đề**. Giao diện sửa Mục trình đơn sẽ được hiện ra. Bạn thay đổi các thông tin cần cập nhật (mã cha, tiêu đề, ảnh ...vv. **Lưu ý:** rằng mã Mục trình đơn và trình đơn sẽ không cho phép thay đổi) sau đó chọn **Chấp nhận** để thay đổi thông tin hoặc **Bỏ qua** để hủy thao tác. (Giao diện tương tự thêm mới mục trình đơn)

– **Công bố:** cho phép mục trình đơn đó được thực hiện . Để **Công bố** Mục trình đơn trong giao diện như trên ta tích chọn các Mục trình đơn (cần công bố) sau đó chọn nút **Công bố** để thực hiện.

– **Hạn chế:** không cho phép trình đơn đó được thực hiện.  Để **Hạn chế** mục trình đơn trong giao diện như trên ta tích chọn các mục trình đơn (cần hạn chế) sau đó chọn nút **Hạn chế** để thực hiện.

– **Xóa:** Xóa mục trình đơn được chọn. Để **Xóa** Mục trình đơn, tại cuối mỗi mục trình đơn ta kích vào lệnh **Chọn => Xóa**, một hộp thoại xác nhận xóa trình đơn sẽ được hiển thị, nhấp chọn **OK** nếu để xóa nhận xóa hoặc **HỦY** để hủy thao tác: Ví dụ

minh họa như sau:



(Hình 42: Minh họa xóa trình đơn)

3.9 Quản trị nội dung

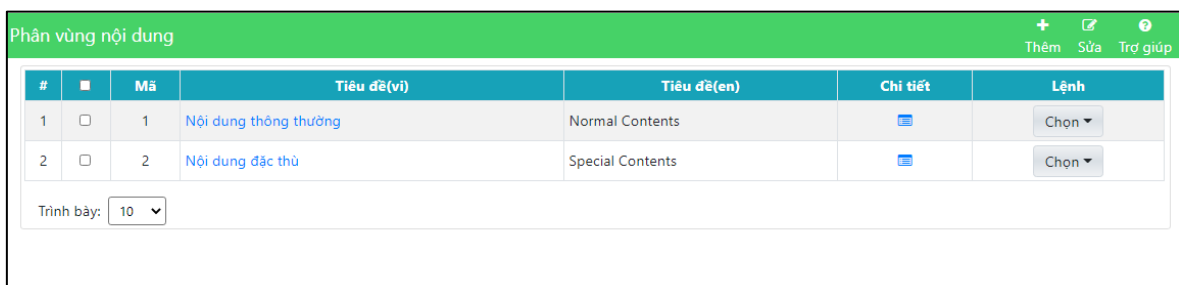
Thiết kế của hệ quản trị nội dung website cho phép phân loại nội dung theo 02 cấp Vùng nội dung và Chuyên mục nội dung. Mỗi website sẽ có 01 hoặc nhiều Vùng nội dung và mỗi vùng nội dung sẽ có các Chuyên mục nội dung để phân loại nội dung trong vùng. Nội dung thông tin được biên tập và lưu trữ ở dạng các biểu ghi siêu dữ liệu định dạng tiêu chuẩn MARCXML, vì vậy hệ thống cho phép thống nhất quản lý các nội dung khác nhau trong một định dạng.

3.9.1 Phân vùng nội dung

Mặc định hệ thống sẽ bao gồm 02 vùng nội dung sau:

- Nội dung thông thường: các bài viết, danh mục, thư viện tài liệu, thư viện ảnh...
- Nội dung đặc thù: Quảng cáo, điều tra, video, các CSDL...

Đề vào trang quản trị vùng nội dung: **Quản lý website > Vùng nội dung**.



(Hình 43: Phân vùng nội dung)

Trên đây là 2 vùng nội dung mặc định của hệ thống, tùy vào mục đích sử dụng ta có thể thêm sửa, xóa các vùng nội dung:

- **Thêm:** Để thêm mới một Vùng nội dung, trong giao diện quản trị vùng nội

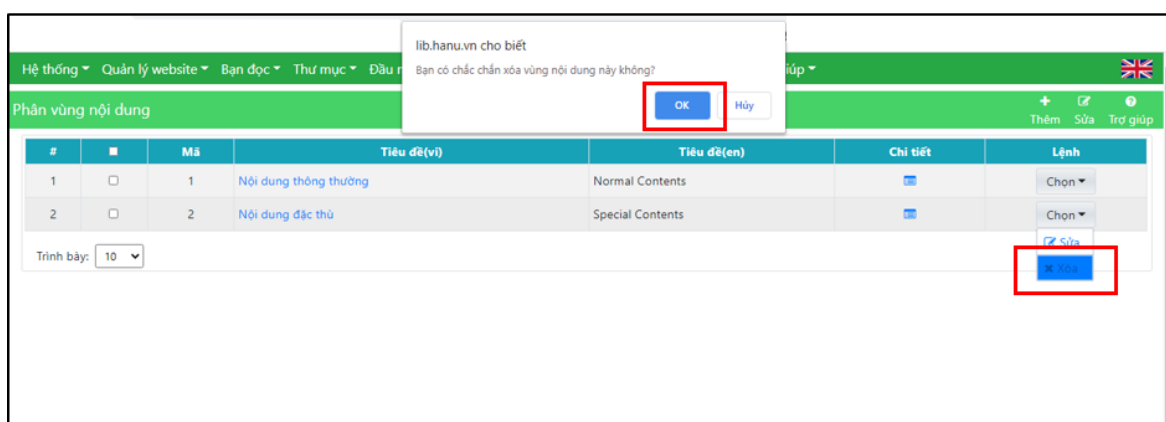
dung nhấn vào nút **Thêm**. Giao diện sau đây sẽ hiện ra.

The 'Chi tiết' modal form contains the following fields and buttons:

- Mã:** A text input field.
- Tiêu đề(vi):** A text input field.
- Tiêu đề(en):** A text input field.
- Ngày tạo:** A date selection field.
- Ngày sửa:** A date selection field.
- Buttons:** 'Chấp nhận' (Accept) in green and 'Bỏ qua' (Skip) in grey.

(Hình 44: Thêm/sửa vùng nội dung)

- + **Mã:** là mã của vùng nội dung mới (*lưu ý không trùng với mã đã tồn tại*)
- + **Tiêu đề(vi):** tiêu đề của vùng nội dung mới bằng tiếng Việt.
- + **Tiêu đề(en):** tiêu đề của vùng nội dung mới bằng tiếng Anh.
- + **Chấp nhận:** lưu các thông tin thiết lập để thêm mới vùng thông tin.
- + **Bỏ qua:** hủy bỏ thao tác.
- **Sửa:** Để sửa thông tin vùng nội dung nào đó nhấp chuột vào tiêu đề của Vùng nội dung trên trang quản trị hoặc tích chọn vào các ô và chọn nút **Sửa**. Bạn chỉ cần thay đổi các thông số sao cho phù hợp sau đó chọn **Chấp nhận** để lưu trữ thông tin.
- **Xóa:** Để Xóa một vùng thông tin không cần thiết bạn tích vào ô cần xóa sau đó nhấp xóa, một hộp thoại xác nhận xóa sẽ hiện lên & bạn sẽ chọn **OK** để xóa hoặc **HUỶ** để hủy xóa.



(Hình 45: Minh họa xóa vùng nội dung)

3.9.2 Chuyên mục nội dung

Chuyên mục nội dung là bước tổ chức/phân hoạch nội dung quan trọng nhất trong

quản trị website, kiến trúc nội dung được tạo ra cần phải dựa trên nhu cầu quản lý cũng như trình bày dữ liệu nội dung trên website. Điểm đặc biệt là mỗi chuyên mục nội dung được thiết lập, ngoài các thuộc tính cơ bản như các hệ thống khác thì khuôn mẫu đi kèm là điểm đặc biệt của mỗi chuyên mục nội dung trong LEGOWEB

Sau khi ta đã có được các Vùng nội dung mong muốn, tiếp theo ta xây dựng cấu trúc chuyên mục nội dung cho các vùng nội dung này. Để truy cập vào các vùng nội dung ta chọn **Quản lý website > Tên vùng nội dung** (ví dụ: *Quản lý website > Nội dung thông thường*) hoặc trong trang quản trị Vùng nội dung nhấp chọn **Chi tiết** đối với vùng nội dung cần chọn. (ở đây tôi minh họa ở vùng *Nội dung thông thường*, các mục khác tương tự)

[1] Nội dung thông thường

✓

✖

+

📝

✖

🔔

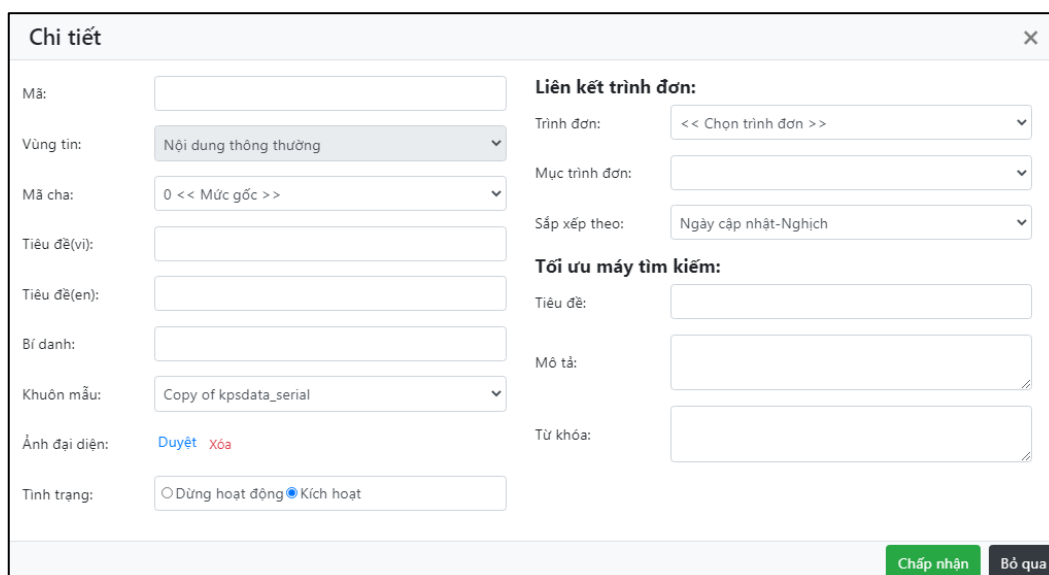
Công bốHủy chếThêmSửaXóaTrợ giúp

#	■	Mã	Tiêu đề(vi)	Tiêu đề(en)	Bí danh	Kích hoạt	Khuôn mẫu	Sắp xếp	Liên kết trình đơn	Lệnh
1	☐	1000	Giới thiệu	Introduction	gioi-thieu	✓	Igwdata_article	01	Giới thiệu	Chọn
2	☐	1100	Nhiệp vụ thư viện	Nhiệp vụ thư viện	nghep-vu-thu-vien	✓	Igwdata_article	01/00	Nhiệp vụ thư viện	Chọn
3	☐	1	Tin tức - Thông Báo	News - Notifications	tin-tuc--thong-bao	✓	Igwdata_article	02		Chọn
4	☐	100	Thông tin phản hồi	Feedback	thong-tin-phan-hoi	✓	Igwdata_article	03	Diễn đàn	Chọn
5	☐	5000	Hướng dẫn - trợ giúp	Hướng dẫn - trợ giúp	huong-dan--tro-giup	✓	Igwdata_article	04		Chọn
6	☐	5100	Tải về	Download	tai-ve	✓	Igwdata_article	04/00		Chọn
7	☐	5200	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ học tập	ho-tro-hoc-tap	✓	Igwdata_article	04/00		Chọn
8	☐	5300	Hướng dẫn tra cứu tài liệu	Huong_dan_tra_cuu_tai_lieu	huong-dan-tra-cuu-tai-lieu	✓	Igwdata_article	04/00		Chọn
9	☐	5400	Hướng dẫn tra cứu tạp chí điện tử	Huong_dan_tra_cuu_tap_chi_dien_tu	huong-dan-tra-cuu-tap-chi-dien-tu	✓	Igwdata_article	04/00		Chọn
10	☐	5201	KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU	KY_NANG_NGHIEN_CUU	ky-nang-nghep-cuu	✓	Igwdata_article	04/00/00		Chọn

(Hình 46: Trang quản trị vùng nội dung thông thường)

Chú ý: Ta cần xây dựng Chuyên mục nội dung có cấu trúc hợp lý để thể hiện được những thông tin, sản phẩm, những điểm nổi trội của tổ chức, thư viện... cũng như trang Web so với các đơn vị khác, để tăng tiện lợi cho người khai thác. Hơn nữa việc tạo nên các danh mục hợp lý & tối ưu sẽ làm cho trang Web hiệu quả hơn, đẹp hơn... Chi tiết về việc quản trị danh mục nội dung sẽ được trình bày ở phần sau.

➤ **Thêm Chuyên mục nội dung:** Để Thêm nội dung mới nhấp chuột chọn nút Thêm trên giao diện quản trị:



(Hình 47: Cập nhật chuyên mục nội dung)

+ **Mã:** là mã định danh của chuyên mục nội dung được tạo. Mã chuyên mục là duy nhất trong toàn bộ hệ thống, có nghĩa các chuyên mục dù ở các vùng nội dung khác nhau cũng không được trùng nhau.

+ **Vùng tin:** Vùng nội dung mà Chuyên mục đó thuộc vào, mỗi Chuyên mục nội dung bắt buộc phải thuộc một Vùng nội dung nhất định.

+ **Mã cha:** lựa chọn Chuyên mục cha của Chuyên mục được tạo, nếu để 0 Chuyên mục đó là chuyên mục gốc.

+ **Tiêu đề (vi):** tên tiếng Việt của chuyên mục.

+ **Tiêu đề (en):** tên tiếng Anh của chuyên mục.

+ **Bí danh:** bí danh của chuyên mục, chương trình tự động tạo hỗ trợ cho SEO.

+ **Khuôn mẫu:** là thông tin cấu hình về định dạng nội dung, đặc tả nhập liệu và hiển thị, (xem thêm phần 4. Các Khuôn mẫu dữ liệu cơ bản)

+ **Tình trạng:** Chuyên mục có được kích hoạt hay dừng hoạt động. Nếu bị dừng hoạt động thì chuyên mục này và các nội dung thuộc về nó sẽ không được truy cập bởi người sử dụng website.

+ **Ảnh đại diện:** hình ảnh đại diện, biểu tượng của chuyên mục đó, có thể được dùng để hiển thị chuyên mục trên website tùy theo module trình diễn.

+ **(Liên kết trình đơn) Trình đơn:** nếu Chuyên mục nội dung liên hệ ngữ cảnh với một Mục trình đơn thì tham số này cần thiết lập. Chọn trình đơn cần tham chiếu sau đó chọn Mục trình đơn cần tham chiếu. Khi quan hệ này được thiết lập, các trình diễn trình đơn và nội dung sẽ có phản ánh tương đồng: kích hoạt trình đơn phù hợp

với chuyên mục nội dung.

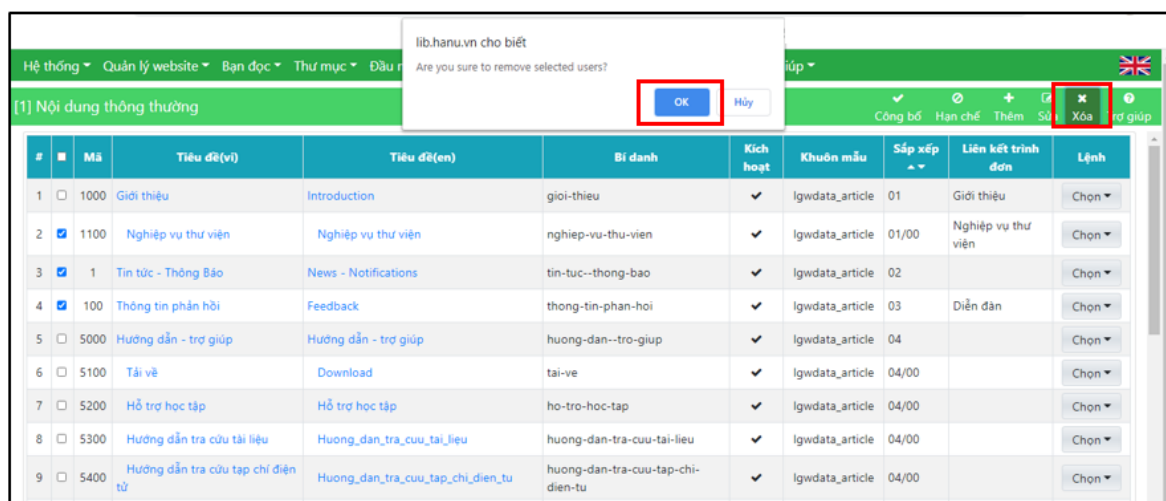
+ **(Tối ưu các máy tìm kiếm):** ở phiên bản này chúng tôi tích hợp thêm chức năng tối ưu các máy tìm kiếm (SEO-Search Engine Optimization) với các từ khóa, mô tả, hay tiêu đề. Đây là một điểm mới trong hệ thống, nó sẽ giúp cho website tăng nhanh thứ hạng và các SEOer dễ dàng hơn trong công việc.

Nhấn nút **Chấp nhận** để ghi lại thay đổi, **Bỏ qua** để thoát ra không lưu lại.

➤ **Sửa Chuyên mục nội dung:** Để cập nhật thông tin một Chuyên mục nội dung, trên giao diện quản lý chuyên mục, nhấn vào tiêu đề chuyên mục đó hoặc nhấn vào lệnh **Chọn** và nhấn vào nút **Sửa**. *(Giao diện cập nhật chuyên mục nội dung cũng tương tự như giao diện thêm mới, chỉ có mã số của chuyên mục là không thể thay đổi)*

Nhấn nút **Chấp nhận** để ghi lại thay đổi, **Bỏ qua** để thoát ra không lưu lại.

➤ **Xóa Chuyên mục nội dung:** Để **Xóa** nội dung ta tích chọn vào ô cần xóa (có thể chọn nhiều ô) sau đó nhấp chọn nút **Xóa** trên giao diện quản trị *hoặc* nhấn vào lệnh **Chọn** và nhấn vào nút **Sửa**, một hộp thoại xác nhận xóa nội dung hiện ra chọn **OK** để xóa hoặc **Cancel** để hủy.



(Hình 48: Minh họa xóa nội dung)

➤ **Công bố:** Một chuyên mục trong tình trạng Công bố thì nội dung của nó mới có thể truy cập được từ phía người dùng trang web. Để Công bố, tích chọn các chuyên mục cần công bố và nhấn nút Công bố trên thanh công cụ.

➤ **Hạn chế:** Để khóa nội dung của chuyên mục không cho truy cập từ người dùng trang web, tích chọn chuyên mục đó sau đó nhấp chuột vào nút **Hạn chế**, (cột **Kích hoạt** có hình  tức là nội dung đang bị hạn chế).

3.9.3 Quản lý dữ liệu nội dung

Quản lý dữ liệu nội dung là chức năng giúp cho người quản trị, biên tập thấy được tổng quan về các nội dung của trang web, các chuyên mục nội dung, các nội dung trong từng chuyên mục. Người quản trị có thể thực hiện các thao tác quản trị như Thêm, Sửa, Xóa, Công bố, Hạn chế. Để vào chức năng quản lý dữ liệu nội dung ta chọn **Quản lý website > Quản lý nội dung** giao diện chính của hệ thống như sau:

The screenshot displays the 'Quản lý nội dung' (Content Management) interface. On the left is a sidebar titled 'Cấu trúc nội dung' (Content Structure) showing a tree view of content categories. The main area shows a table of content items under the heading 'Chuyên mục: Tất cả' (Category: All). The table has columns for item number, ID, title, language, status, sort order, category, author, update date, status, and views. Below the table is a pagination bar showing 'Trình bày: 10' (Display: 10) and a list of page numbers (1, 2, 3, 4, 5, of 19).

#	Mã	Tiêu đề	Ngôn ngữ	Công bố	Sắp xếp	Chuyên mục	Người sửa	Ngày sửa	Quyền truy cập	Lượt xem
1	2070	Đội ngũ cán bộ	vi	✓	0	Giới thiệu	hanulib	14.09.2020	Bất kỳ	9749
2	2972	GIỚI THIỆU THƯ VIỆN SỐ BNEUF	vi	⊗	5	Giới thiệu	quynt	26.08.2020	Bất kỳ	0
3	2951	"Thư viện Đại học Hà Nội tiếp đón đoàn Vụ Thư viện"	vi	✓	4	Giới thiệu	quynt	28.05.2020	Bất kỳ	1180
4	2940	Chúc mừng năm mới xuân Canh Tý 2020	vi	✓	3	Giới thiệu	quynt	25.01.2020	Bất kỳ	2028
5	2071	Định hướng phát triển	vi	✓	0	Giới thiệu	hanulib	26.08.2018	Bất kỳ	8609
6	2171	Video giới thiệu	vi	✓	0	Giới thiệu	longtd	22.08.2018	Bất kỳ	5734
7	2073	Lịch sử hình thành và phát triển	vi	✓	0	Giới thiệu	longtd	11.11.2017	Bất kỳ	9100
8	2072	Tài nguyên và Dịch vụ	vi	✓	0	Giới thiệu	longtd	11.11.2017	Bất kỳ	8916
9	2	Cơ cấu tổ chức	vi	✓	2	Giới thiệu	longtd	11.11.2017	Bất kỳ	10113
10	2153	Phát triển dịch vụ tham khảo trong thư viện Việt Nam	vi	✓	0	Nghiệp vụ thư viện	haont	09.05.2018	Bất kỳ	6362

(Hình 49: Giao diện Quản lý dữ liệu nội dung)

➤ **Cấu trúc nội dung:** Phần này cho phép người dùng thấy được cấu trúc nội dung đã được thiết lập. Một hộp chọn Vùng nội dung và phía dưới là danh sách các chuyên mục nội dung được bố trí theo dạng cây (tree). Số bên cạnh tên chuyên mục nội dung thể hiện cho số bản ghi nội dung của chuyên mục đó, ví dụ *Nghiệp vụ thư viện (3)* tức là trong chuyên mục *Nghiệp vụ thư viện* có 03 bản ghi nội dung). Để chọn một chuyên mục, nhấn vào chuyên mục đó trên giao diện Cấu trúc nội dung.

➤ **Chuyên mục:** Là danh sách các bản ghi nội dung thuộc phạm vi Chuyên mục nội dung được chọn.

➤ **Các chức năng quản trị:**

– **Thêm:** Thêm mới một bản ghi siêu dữ liệu nội dung vào một chuyên mục. Khi nhấn vào nút thêm, Trình biên tập siêu dữ liệu nội dung sẽ xuất hiện với chuyên mục mặc định là chuyên mục hiện thời trong giao diện Quản trị nội dung. Trình biên tập siêu dữ liệu hiển thị dựa trên Khuôn mẫu đã được chọn khi thiết lập Chuyên mục nội dung để xây dựng giao diện cập nhật dữ liệu.

– **Sửa:** Để sửa một bản ghi nội dung, tích chọn dòng nội dung và nhấn nút Sửa hoặc kích chọn vào tiêu đề dòng nội dung để sửa. Giao diện Trình biên tập siêu dữ

liệu nội dung sẽ tải lên biểu ghi và cho phép sửa.

Chú ý: Để làm việc với Trình biên tập nội dung siêu dữ liệu, xem phần Làm việc với Trình biên tập siêu dữ liệu.

– **Công bố:** Nội dung chỉ được truy cập ở giao diện website nếu tình trạng là công bố, đây là nội dung có hình  trong cột Công bố. Để Công bố các bản ghi nội dung, tích chọn tên danh mục và nhấn vào nút Công bố.

– **Hạn chế:** hạn chế bản ghi nội dung, không cho phép người dùng có thể truy cập, các bản ghi nằm trong tình trạng hạn chế có hình  trong cột Công bố.

– **Sắp xếp:** thông thường các nội dung được sắp xếp và trình bày theo trật tự ưu tiên thời gian cập nhật gần nhất, tuy nhiên trong một số module nội dung cần được sắp xếp theo ý đồ người quản lý – số thứ tự. Cột  này cho phép thay đổi thứ tự (tăng hoặc giảm) của một bản ghi nội dung dung so với các bản ghi khác trong chuyên mục. Để tăng thứ tự của một bản ghi nội dung, tích chọn dòng nội dung đó sau đó nhấp vào , hoặc giảm nội dung bằng cách nhấp chọn vào .

3.9.4 Thiết lập khuôn mẫu nội dung – Template

❖ Tiêu chuẩn siêu dữ liệu MARCXML

MARC Machine-Readable-Catalog (Mục lục đọc máy), là định dạng dữ liệu và tập các chuẩn sử dụng trong thư viện để mã hóa và chia sẻ thông tin về các bộ sưu tập tài liệu. Được phát triển bởi Thư Viện Quốc Hội Mỹ từ những năm 1960, ngày nay nó vẫn đang được sử dụng rộng rãi như là cơ sở cho các mục lục trực tuyến.

Năm 2002, Thư Viện Quốc Hội Mỹ phát triển lược đồ MARC-XML như là cấu trúc bản ghi thay thế, cho phép các biểu ghi MARC thể hiện dưới dạng XML. Các thư viện thường khai thác các biểu ghi dạng MARC-XML thông qua dịch vụ web.

Chỉ thị nội dung: Mỗi trường trong một bản ghi MARC cung cấp một thông tin về đối tượng mà nó mô tả. MARC được phát triển tại thời điểm mà công suất tính toán và lưu trữ còn thấp, nó sử dụng mã 3 chữ số để xác định từng trường trong bản ghi (001-999). Ví dụ: với tiêu chuẩn thư mục 245 là trường nhan đề chính của tài liệu. Đối với các trường lớn hơn 009, nó chia thành nhiều trường con được mã hóa bằng 1 ký tự số hoặc chữ.

Ví dụ: 260 \$aHà Nội Trường 260 (thông tin xuất bản), trường con \$a (nơi xuất bản).

Mã hóa dưới dạng MARCXML

```
<record>
  <datafield tag= '260'>
    <subfield code= 'a'>Hà nội</subfield>
  </datafield>
</record>
```

Công ty Hiện Đại mở rộng một số các thuộc tính của lược đồ MARC-XML và biến nó thành tiêu chuẩn lưu trữ và trao đổi các bản ghi nội dung của một website. Các trường dữ liệu mặc định trong MARC là định dạng chuỗi, với việc mở rộng thuộc tính TYPE, các trường dữ liệu được chỉ định rõ kiểu dữ liệu:

- NUMBER: Kiểu số
- DATE: Kiểu thời gian
- BOOLEAN: Kiểu toán tử boolean
- TEXT: Kiểu chuỗi thường giới hạn 400 ký tự.
- NTEXT: Kiểu chuỗi lớn, có độ lớn tới 2GB.

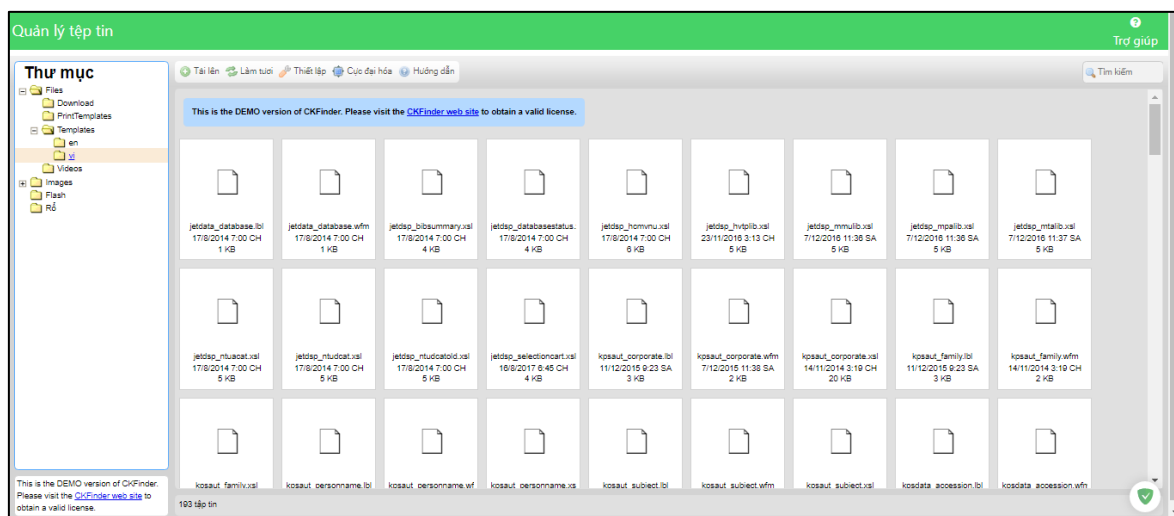
```
<record>
  <datafield tag= '260'>
    <subfield code= 'a' type= 'TEXT'>Hà nội</subfield>
    <subfield code= 'b' type= 'TEXT'>Khoa Học Kỹ Thuật</subfield>
    <subfield code= 'c' type= 'NUMBER'>2012</subfield>
  </datafield>
</record>
```

❖ Khuôn mẫu – Template

LEGOWEB sử dụng MARCXML làm cơ sở để thiết lập cấu trúc và lưu trữ dữ liệu nội dung. *Với mỗi loại nội dung đặc thù, các nhà phát triển website phân tích dữ liệu và thiết lập các Khuôn mẫu cho việc cập nhật và trình diễn nội dung đó.* Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu cách thiết lập Khuôn mẫu và lấy nội dung một Bài viết làm ví dụ, phần giới thiệu các module của hệ thống sẽ giới thiệu cấu trúc dữ liệu từng module nếu có.

Mỗi Khuôn mẫu của một loại nội dung, có 3 tệp là cơ sở cho việc đặc tả và trình bày. Các tệp khuôn mẫu của LEGOWEB được lưu trữ theo địa chỉ *[Địa chỉ thư mục tệp tin]\File\Templates\[mã ngôn ngữ hỗ trợ]*. Các tệp tin Khuôn mẫu được bắt đầu

bằng tiền tố **lgwdata_** ví dụ: khuôn mẫu của bài viết là các tệp *lgwdata_article.lbl*, *lgwdata_article.wfm*, *lgwdata_article.xml*.



(Hình 50: Các tệp tin Khuôn mẫu)

▪ Xây dựng Bảng cấu trúc dữ liệu

Giả sử ngoài các trường điều khiển - quản trị mỗi Bài viết có các trường sau Bảng cấu trúc Bài viết theo tiêu chuẩn MARC như sau:

STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Nhan đề	245	a	TEXT
3	Tóm tắt	245	b	TEXT
4	Ảnh đại diện	245	u	TEXT
5	Nội dung	520	a	NTEXT
6	Tên bài liên quan	780	t	TEXT
7	Mã bài liên quan	780	w	NUMBER

▪ Tệp nhãn trường *.lbl:

Tệp nhãn trường là tệp tin định dạng MARCXML lưu trữ các nhãn mô tả các trường dữ liệu của nội dung. Nó phục vụ việc hiển thị trên giao diện Trình biên tập siêu dữ liệu. Tệp tin này có thể được chỉnh sửa dễ dàng bằng một trình soạn thảo văn bản đơn giản như Notepad.

Ví dụ: *lgwdata_article.lbl*:

```
<?xmlversion="1.0"encoding="UTF-8" ?>
```

```
<record>
```

```

<datafieldtag="100"ind1=""ind2="">
<subfieldcode="a"type="TEXT">Tác giả</subfield>
</datafield>
<datafieldtag="245"ind1=""ind2="">
<subfieldcode="a"type="TEXT"> Nhan đề</subfield>
<subfieldcode="b"type="TEXT"> Tóm tắt</subfield>
<subfieldcode="u"type="TEXT"> Ảnh đại diện</subfield>
</datafield>
<datafieldtag="520"ind1=""ind2="">
<subfieldcode="a"type="NTEXT">Nội dung</subfield>
</datafield>
<datafieldtag="780"ind1=""ind2="">
<subfieldcode="t"type="TEXT"> Bài liên quan</subfield>
<subfieldcode="w"type="NUMBER">Mã bài viết</subfield>
</datafield>
</record>

```

▪ **Tập mẫu nhập liệu *.wfm:**

Tập biểu ghi mẫu trong dạng chuẩn MARCXML để liệt kê các trường mặc định với các giá trị mặc định khi tạo mới một bản ghi nội dung siêu dữ liệu. Nó đích thực là một bản ghi nội dung rỗng với các giá trị mặc định.

Ví dụ: *lgwdata_article.wfm*:

```

<?xmlversion="1.0"encoding="UTF-8" ?>
<record>
<datafieldtag="100"ind1=""ind2="">
<subfieldcode="a"type="TEXT"></subfield>
</datafield>
<datafieldtag="245"ind1=""ind2="">
<subfieldcode="a"type="TEXT"></subfield>
<subfieldcode="b"type="TEXT"></subfield>
<subfieldcode="u"type="TEXT"></subfield>
</datafield>
<datafieldtag="520"ind1=""ind2="">

```

<subfieldcode="a" type="NTEXT"></subfield>

</datafield>

</record>

▪ Tập chuyển đổi định dạng *.xsl:

Dữ liệu nội dung của LEGOWEB khi được khai thác sử dụng chủ yếu ở định dạng XML. Chuyển đổi định dạng dữ liệu XML bằng ngôn ngữ định dạng chuyển đổi mở rộng (Extensible Stylesheet Language Transformations - XSLT) là phương pháp chủ yếu được sử dụng trong LEGOWEB. Mỗi định dạng nội dung có 1 tập chuyển đổi sang dạng trình diễn html mặc định và là một thành phần không thể thiếu với 1 Khuôn mẫu nội dung. Tập chuyển đổi định dạng trình diễn mặc định có tiền tố là **lgwdata_**. Ví dụ: với Bài viết, tập đó là *lgwdata_article.xsl*. Một tập chuyển đổi định dạng trình diễn mặc định cần đáp ứng yêu cầu trình diễn toàn bộ dữ liệu của một bản ghi nội dung XML.

Ngoài ra, LEGOWEB sử dụng nhiều tập chuyển đổi định dạng ngôn ngữ XSLT để phục vụ tùy biến trình diễn dữ liệu nội dung. Các tập này có tiền tố là **lgwdsp_**.

3.9.5 Trình biên tập siêu dữ liệu nội dung Meta Content Editor

Trình biên tập siêu dữ liệu nội dung – Meta Content Editor có chức năng cung cấp giao diện cập nhật dữ liệu linh hoạt, mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu tạo ra các bản ghi siêu dữ liệu định dạng MARCXML mở rộng. Đối với các chức năng cơ bản của LEGOWEB, đây là giao diện nhập liệu duy nhất cho tất cả các module. Mỗi khi thêm mới, hoặc sửa chữa một bản ghi siêu dữ liệu nội dung, giao diện sau đây sẽ xuất hiện:

The screenshot shows the 'Biên tập siêu dữ liệu' (Edit meta-data) interface. It features a table with columns: Mã (Code), Nhân (Person), Nội dung (Content), and Chọn (Select). The table lists fields like 'Tác giả' (Author), 'Nhân đề' (Subject), 'Tóm tắt' (Summary), and 'Ảnh đại diện' (Profile picture). To the right of the table is a 'Trường điều khiển' (Control fields) panel with various input fields and dropdown menus for metadata like 'Mã' (Code), 'Vùng tin' (Trust region), 'Chuyên mục' (Category), 'Bí danh' (Alias), 'Mã quản lý' (Management code), 'Ngôn ngữ' (Language), 'Mức q.trong' (Level of control), 'Cấp truy cập' (Access level), 'Tình trạng' (Status), and 'Ngày tạo' (Creation date).

3.9.5.1 Làm việc với trường điều khiển

Trường điều khiển là các trường có tính chất cố định, chứa đựng các thông tin

quản lý của bản ghi dữ liệu. LEGOWEB xác lập danh mục các trường điều khiển trên cơ sở nghiên cứu kỹ các trường hợp sử dụng và quản trị nội dung thông thường trong một trang web. Trong các trường hợp đặc biệt, LEGOWEB cần được customize - tùy biến thông tin điều khiển.

Trường điều khiển	
Mã:	2041
Vùng tin:	Nội dung thông thường
Chuyên mục:	Tin tức
Bí danh:	hoi-thao-khoa-hoc-bao-lon-va-phat-huy-gia-tri-tho-va
Mã quản lý:	
Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
Mức q.trọng:	Mức 0
Cấp truy cập:	Công khai
Tình trạng	☐ Rác ☐ Chờ ☒ Công bố
Cập nhật:	201708241608lienttm 201708241608lienttm

Tên trường	Mô tả
Mã	Mã định danh tự sinh của biểu ghi siêu dữ liệu nội dung.
Vùng tin	Chọn vùng nội dung để chọn chuyên mục mà nó thuộc về.
Chuyên mục	Chọn chuyên mục của nội dung. Khi chuyển sang chuyên mục khác, chương trình sẽ tải lại Khuôn mẫu được thiết lập cho Chuyên mục đó.
Mã quản lý	Được sử dụng với các trường hợp như mã sản phẩm, mã nhân viên...
Ngôn ngữ	Ngôn ngữ của nội dung. Trên giao diện trang web phía trước, chương trình chỉ lấy các bản ghi có ngôn ngữ được chọn từ trường hợp ngoại lệ.
Mức truy cập	Mức truy cập chi tiết tài liệu: - Công khai: Mọi người dùng - Đăng nhập: Chỉ người đã đăng nhập - Chỉ định: Chỉ những người đã đăng nhập thuộc nhóm chỉ định.
Mức q.trọng	Phân loại nội dung thành các mức quan trọng khác nhau, tùy theo module có sử dụng lọc nội dung theo mức độ quan trọng hay không.
Bí danh	Tự sinh theo tiêu đề tài liệu để hỗ trợ URL Rewriter nếu có.
Tình trạng	- Rác: Đã bị đánh dấu xóa - Chờ: Đang xử lý chưa công bố - Công bố: Cho phép truy cập

Đặc điểm của giao diện cập nhật dữ liệu này là thực hiện cập nhật các bản ghi siêu dữ liệu. Siêu dữ liệu có đặc tính là số lượng các trường không cố định, các trường cũng có thể khác nhau giữa các Chuyên mục nội dung khác nhau phụ thuộc vào định nghĩa trong Khuôn mẫu, ngoài ra các trường có thể lặp.

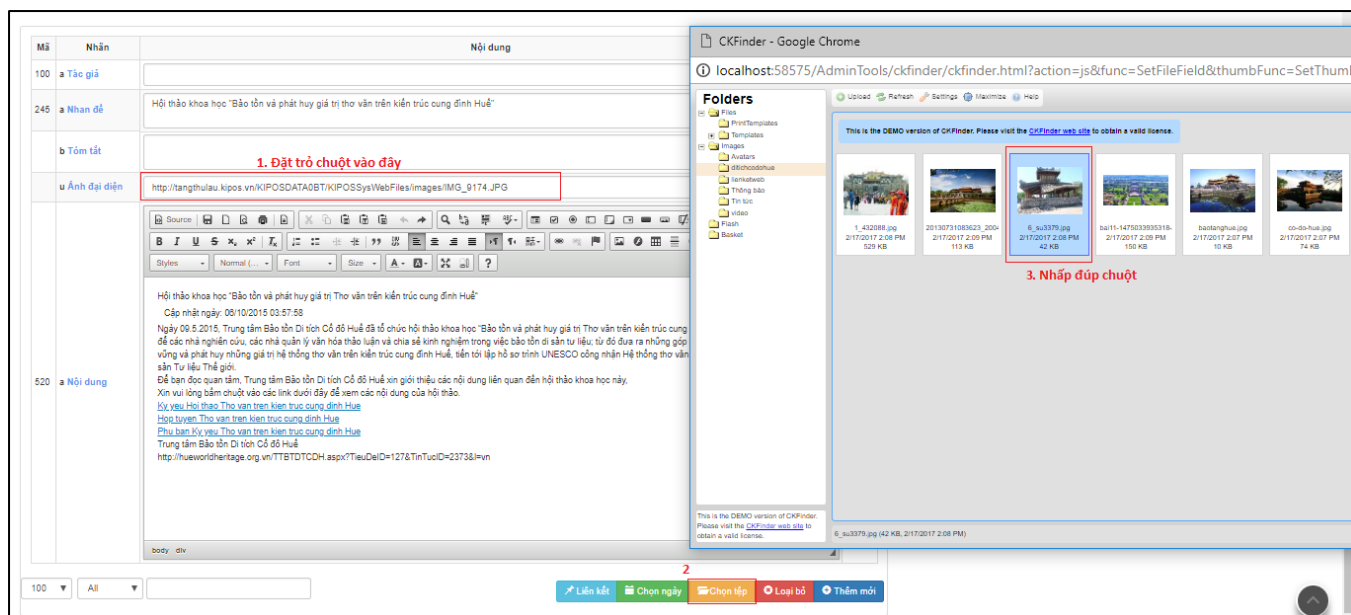
- Căn cứ vào Chuyên mục nội dung được chọn, khi biên tập một bản ghi mới, Trình biên tập tải lên mẫu biểu ghi từ tệp *lgwdata_article.wfm*. Đưa các dữ liệu mặc định lên form nhập liệu.

- Tải lên danh mục các trường có thể thêm vào dựa vào danh mục các trường trong tệp nhấ. Như vậy, danh mục các trường có thể thêm vào có thể nhiều hơn các trường mặc định trong form nhập liệu.

❖ **Chọn tệp:**

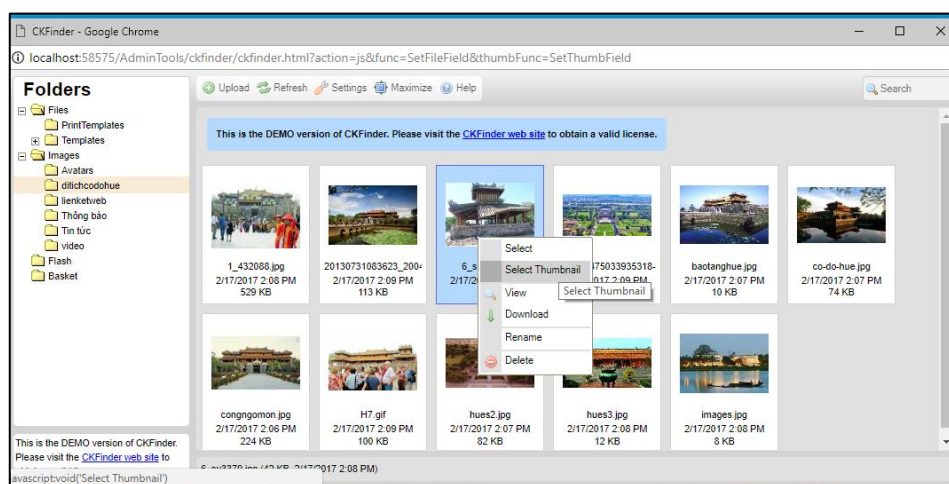
44

dưới. Giao diện CKFinder cho phép bạn tìm chọn tệp tin một cách trực quan.



Nhấp đúp vào tệp tin cần liên kết, cửa sổ đóng lại và chương trình sẽ đưa vào ô dữ liệu hiện thời địa chỉ URL của tệp tin.

Chọn ảnh đại diện: Chọn ảnh cho trường Ảnh đại diện là một trường hợp đặc biệt, người dùng có thể chọn ảnh gốc làm ảnh đại diện theo cách chọn tệp thông thường. Tuy nhiên, đó không phải là cách tối ưu vì các ảnh sẽ có kích thước lớn trang web tải về sẽ chậm. Vì vậy thay vì nháy đúp vào ảnh đại diện, chúng ta nháy chuột phải để giao diện CKFinder hiển thị trình đơn đồ xuống và chọn Select Thumb như hình dưới đây.



❖ **Loại bỏ:** Loại bỏ trường dữ liệu.

Bạn có thể loại bỏ các trường không cần nhập liệu khỏi giao diện bằng cách tích vào ô chọn bên cạnh (cột Chọn) và nhấn vào nút Loại bỏ phía dưới. Chương trình không yêu cầu khẳng định, vì vậy bạn chỉ có thể không lưu bản ghi để trở về hiện

trạng cũ nếu mắc sai lầm.

Mã	Nhãn	Nội dung	Chọn
245	a Tên tập ảnh		☐
300	h Chiều cao	360	☐
	w Chiều rộng	580	☐
856	o Số thứ tự	0	☐
3	Tên	Tên ảnh	☒
a	Chú thích	Chú thích	☒
l	Liên kết tới URL	#	☒
u	Tệp ảnh		☒

245

All

Liên kết

Chọn ngày

Chọn tệp

Loại bỏ

Thêm mới

Xóa dòng chọn

❖ **Thêm mới:** Thêm trường mới.

Bạn có thể thêm một hay nhiều trường mới, trường lặp vào giao diện nhập liệu bằng cách chọn trường (nhấn trường), chọn trường con và nhấn nút **Thêm mới** phía dưới.

– Nếu bạn để mặc định trường con là **All (tất cả)** thì tất cả các trường con thuộc về trường được chọn sẽ được thêm vào.

– Nếu muốn thêm 1 trường con vào một trường đã tồn tại, chọn vào 1 trường con của trường đó và thêm 1 trường con như bình thường.

❖ **Liên kết:** Đưa thông tin tham chiếu tới nội dung liên quan.

Trong trường hợp nội dung đang nhập có liên quan tới nội dung khác, ví dụ các bài viết trước đó về một sự kiện..., bạn có thể nhấn vào nút **Liên kết** phía dưới để lọc tìm bài liên quan, chọn và nhấn vào liên kết. Chương trình sẽ tự động bổ sung trường liên kết nội dung và dữ liệu về nhan đề và mã của nội dung đó.

phản ánh trong việc định nghĩa các trường dữ liệu mà nó sử dụng.

Chú ý: Với mục tiêu thống nhất dữ liệu, ngoài việc tổ chức lưu trữ cùng định dạng siêu dữ liệu, yêu cầu việc định nghĩa các trường dữ liệu tương đồng giữa các bộ sưu tập là bắt buộc. Cơ sở của việc đảm bảo sự tương đồng là tiêu chuẩn MARC 21 và các mẫu đã dựng trước đó.

Ví dụ: Trường 245\$a là trường nhan đề trong tất cả các bộ sưu tập: nhan đề bài viết, nhan đề bộ sưu tập ảnh, tên ảnh...

Việc định nghĩa các trường của bộ sưu tập được thực hiện bằng việc xây dựng Bảng ánh xạ trường. Bảng này phản ánh các trường dữ liệu của một bộ sưu tập được mã hóa theo tiêu chuẩn MARC như thế nào. Dưới đây là việc giới thiệu bảng ánh xạ trường của các bộ sưu tập dữ liệu cơ bản đi kèm với LEGOWEB CMS. Quá trình triển khai tùy nhu cầu mà mở rộng các bộ sưu tập dữ liệu mới hoặc tùy khuôn mẫu hiện thời.

Dựa trên Bảng ánh xạ trường, các tệp nhãn, mẫu nhập liệu và chuyển đổi trình diễn được thực hiện sau đó.

4.2 Lgwdata_article Mẫu dữ liệu bài viết

Lgwdata_article				
STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Nhan đề	245	a	TEXT
3	Tóm tắt	245	b	TEXT
4	Ảnh đại diện	245	u	TEXT
5	Nội dung	520	a	NTEXT
6	Tên bài liên quan	780	t	TEXT
7	Mã bài liên quan	780	w	NUMBER

4.3 Lgwdata_doc Mẫu dữ liệu thư viện tài liệu

Lgwdata_doc				
STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Nhan đề	245	a	TEXT
3	Tóm tắt	245	b	TEXT

4	Ảnh đại diện	245	u	TEXT
5	Nơi xuất bản	260	a	TEXT
6	Nhà xuất bản	260	b	TEXT
7	Năm xuất bản	260	c	NUMBER
8	Số trang	300	a	TEXT
9	Chi tiết vật lý khác	300	b	TEXT
10	Tóm tắt	520	a	NTEXT
11	Từ khóa chủ đề	650	a	TEXT
12	Tên bài liên quan	780	t	TEXT
13	Mã bài liên quan	780	w	NUMBER
14	Tên tệp	856	f	TEXT
15	Kích thước	856	s	TEXT
16	Đường dẫn URL	856	u	TEXT
17	Số lượt tải về	856	n	NUMBER

4.4 Lgwdata_flash Mẫu dữ liệu flash

Lgwdata_flash				
STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Nhan đề	245	a	TEXT
3	Chiều cao	300	h	NUMBER
4	Chiều rộng	300	w	NUMBER
5	Đường dẫn URL	856	u	TEXT

4.5 Lgwdata_media Mẫu dữ liệu đa phương tiện

Lgwdata_media				
STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Nhan đề	245	a	TEXT
3	Tóm tắt	245	b	TEXT
4	Ảnh đại diện	245	u	TEXT

5	Chiều cao mặc định	300	h	NUMBER
6	Chiều rộng mặc định	300	w	NUMBER
7	Số TT	856	0	NUMBER
8	Tên	856	3	TEXT
9	Chú thích	856	a	TEXT
10	Nguồn tệp	856	u	TEXT
11	Liên kết	856	l	TEXT
12	Chiều cao	856	h	NUMBER
13	Chiều rộng	856	w	NUMBER

4.6 Lgwdata_images Mẫu dữ liệu bộ sưu tập ảnh

Lgwdata_images				
STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Nhan đề	245	a	TEXT
3	Tóm tắt	245	b	TEXT
4	Ảnh đại diện	245	u	TEXT
5	Chiều cao mặc định	300	h	NUMBER
6	Chiều rộng mặc định	300	w	NUMBER
7	Số TT	856	0	NUMBER
8	Tên	856	3	TEXT
9	Chú thích	856	a	TEXT
10	Nguồn tệp	856	u	TEXT
11	Liên kết	856	l	TEXT
12	Chiều cao	856	h	NUMBER
13	Chiều rộng	856	w	NUMBER

4.7 Lgwdata_poll Mẫu dữ liệu điều tra

Lgwdata_poll				
STT	Trường	Trường	Trường con	Kiểu
1	Tác giả	100	a	TEXT
2	Câu hỏi	245	a	TEXT

3	Mô tả thêm	245	b	TEXT
4	Ảnh đại diện	245	u	TEXT
7	Số TT	650	0	NUMBER
8	Lựa chọn	650	3	TEXT
9	Số phiếu	650	a	TEXT